

Số: 464/QĐ-SVHTTDL

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc giao Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026

#### GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH BẮC NINH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 79/2021/TT-BTC ngày 21/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 133/2025/TT-BTC ngày 24/12/2024 của Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 17/2025/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho Cơ quan Sở và các đơn vị thuộc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Bắc Ninh.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Căn cứ Dự toán, thu chi ngân sách Nhà nước năm 2026 được giao thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản, chế độ chính sách hiện hành.

**Điều 3.** Trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Kho bạc NNKV - IV;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng; đơn vị SN thuộc Sở;
- KT (VP; SN) Sở (Đại, Hải);
- Lưu: VT, TCKH (2).

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Trung Khuê**

**DỰ TOÁN , THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

Đơn vị: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Mã số 1062773

Mã KBNN: 1161

(Kèm theo Quyết định số 464/QĐ-SVHTTDL ngày 31/12/2025 của Sở VHTTDL Bắc Ninh)

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	MÃ QHNS	C-L	Nguồn KP	Mã KBNN	Dự toán giao	Trừ TK 10%	Trừ 40% tạo nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Tổng số dự toán còn được chi	Ghi chú
<b>A</b>	<b>TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ, THU KHÁC</b>					<b>7.005</b>	-	-	-	<b>7.005</b>	
<b>I</b>	<b>Tổng số thu phí, lệ phí</b>					<b>303</b>	-	-	-	<b>303</b>	
<b>1</b>	<b>Thu</b>					<b>303</b>	-	-	-	<b>303</b>	
<b>1,1</b>	<b>Quản lý nhà nước - VP sở</b>					<b>200</b>	-	-	-	<b>200</b>	
	Phí, lệ phí cấp phép, quảng cáo, nghệ thuật, Lữ hành thẻ hướng dẫn viên					200				200	
<b>1,2</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp</b>					<b>103</b>	-	-	-	<b>103</b>	
	Trường TCVHTTDL- Thu học phí					65				65	
	Thư viện Bắc Ninh 1- Thu phí, lệ phí					18				18	
	Thư viện Bắc Ninh 2- Thu phí, lệ phí					20				20	
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>					<b>303</b>	-	<b>20</b>	-	<b>283</b>	
<b>2,1</b>	<b>Quản lý nhà nước-Văn phòng Sở</b>					<b>200</b>	-	<b>20</b>	-	<b>180</b>	
	- Văn phòng Sở					200		20		180	
<b>2,2</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp</b>					<b>103</b>	-	-	-	<b>103</b>	
	Trường TCVHTTDL- Thu học phí					65				65	
	Thư viện Bắc Ninh 1- Thu phí, lệ phí					18				18	
	Thư viện Bắc Ninh 2- Thu phí, lệ phí					20				20	
<b>3</b>	<b>Số phí nộp NSNN (1-2)</b>					-	-	-	-	-	
<b>3,1</b>	<b>Quản lý nhà nước- Văn phòng Sở</b>					-				-	
	Văn phòng Sở									-	
<b>3,2</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp</b>					-	-	-	-	-	
	Trường TCVHTTDL- Thu học phí					-				-	
	Thư viện Bắc Ninh 1- Thu phí, lệ phí					-				-	
	Thư viện Bắc Ninh 2- Thu phí, lệ phí					-				-	
<b>II</b>	<b>Thu chi sự nghiệp, dịch vụ</b>					<b>2.607</b>	-	-	-	<b>2.607</b>	

TT	Nội dung	MÃ QHNS	C-L	Nguồn KP	Mã KBNN	Dự toán giao	Trừ TK 10%	Trừ 40% tạo nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Tổng số dự toán còn được chi	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Tổng số thu</b>					<b>2.607</b>	-	-	-	<b>2.607</b>	
1,1	Nhà hát chèo-Thu biểu diễn					350				350	
1,2	Nhà hát Quan họ Bắc Ninh					1.000				1.000	
1,3	Trung tâm HL & TĐ TĐTT- Thu trông xe, dịch vụ NTĐ, SVĐ, ..					1.120				1.120	
1,4	Bảo tàng Bắc Ninh 1 - Thu thuê điểm KD dịch vụ					137				137	
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ</b>					<b>2.448</b>	-	<b>499</b>	-	<b>1.949</b>	
2,1	Nhà hát chèo-Thu biểu diễn					315		26		289	
2,2	Nhà hát Quan họ Bắc Ninh					1.000				1.000	
2,3	Trung tâm HL & TĐ TT Bắc Ninh 1- Thu trông xe, dịch vụ NTĐ, SVĐ,..					1.070		448		622	
25	Bảo tàng Bắc Ninh 1 - Thu thuê điểm KD dịch vụ					63		25		38	
<b>3</b>	<b>Số thu nộp NSNN</b>					<b>159</b>	-	-	-	<b>159</b>	
3,1	Nhà hát chèo-Thu biểu diễn					35				35	
3,2	Nhà hát Quan họ Bắc Ninh					-				-	
3,3	Trung tâm HL & TĐ TĐTT- Thu trông xe, dịch vụ NTĐ, SVĐ,					50				50	
3,4	Bảo tàng Bắc Ninh 1 - Thu thuê điểm KD dịch vụ					74				74	
<b>III</b>	<b>Thu chi nguồn khác</b>					<b>4.095</b>	-	-	-	<b>4.095</b>	
<b>1</b>	<b>Tổng số thu</b>					<b>4.095</b>				<b>4.095</b>	
	<b>BQL khu DTTD&amp;RBVCQ Suối Mỡ</b>					4.095				4.095	
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn khác</b>					<b>4.095</b>				<b>4.095</b>	
	<b>BQL khu DTTD&amp;RBVCQ Suối Mỡ</b>					4.095				4.095	
<b>3</b>	<b>Số thu nộp NSNN</b>									-	
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI NSNN</b>					<b>438.461</b>	<b>23.980</b>	<b>519</b>	-	<b>413.962</b>	
<b>I</b>	<b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>					<b>24.591</b>	<b>797</b>	<b>20</b>	-	<b>23.774</b>	
<b>1</b>	<b>Văn phòng Sở VH TTDL (Chi Quản lý hành chính)</b>					<b>24.591</b>	<b>797</b>	<b>20</b>	-	<b>23.774</b>	
	Kinh phí tự chủ 13	1168606	340-341	13	1161	17.029	435	20	-	16.574	
	Kinh phí không tự chủ 12	1168606	340-341	12	1161	6.636	362	-	-	6.274	
	Kinh phí không tự chủ (tiền thưởng) 18	1168606	340-341	18	1161	926	-	-	-	926	
<b>II</b>	<b>SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO</b>					<b>14.647</b>	<b>649</b>	-	-	<b>13.998</b>	
<b>1</b>	<b>Trường Trung cấp VH TTDL Bắc Ninh</b>					<b>14.647</b>	<b>649</b>	-	-	<b>13.998</b>	
	Kinh phí thường xuyên 13	1062538	070-092	13	1161	9.448	201	-	-	9.246	
	Kinh phí không thường xuyên 12	1062538	070-092	12	1161	4.808	448	-	-	4.361	
	Kinh phí không thường xuyên (tiền thưởng) 18	1062538	070-092	18	1161	391	-	-	-	391	

TT	Nội dung	MÃ QHNS	C-L	Nguồn KP	Mã KBNN	Dự toán giao	Trừ TK 10%	Trừ 40% tạo nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Tổng số dự toán còn được chi	Ghi chú
<b>III</b>	<b>SỰ NGHIỆP VĂN HÓA</b>					<b>196.555</b>	<b>14.347</b>	<b>51</b>	<b>-</b>	<b>182.157</b>	
<b>1</b>	<b>Nhà hát Chèo Bắc Ninh</b>					<b>22.292</b>	<b>1.072</b>	<b>26</b>	<b>-</b>	<b>21.194</b>	
	Kinh phí thường xuyên 13	1062774	160-161	13	1161	12.417	287	26	-	12.104	
	Kinh phí không thường xuyên 12	1062774	160-161	12	1161	9.383	785	-	-	8.598	
	Kinh phí không thường xuyên (tiền thưởng) 18	1062774	160-161	18	1161	492	-	-	-	492	
<b>2</b>	<b>Nhà hát Dân ca Quan họ Bắc Ninh</b>					<b>18.187</b>	<b>1.165</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>17.022</b>	
	Kinh phí thường xuyên 13	1042726	160-161	13	1172	7.899	238	-	-	7.661	
	Kinh phí không thường xuyên 12	1042726	160-161	12	1172	9.943	927	-	-	9.016	
	Kinh phí không thường xuyên (tiền thưởng) 18	1042726	160-161	18	1172	345	-	-	-	345	
<b>3</b>	<b>Trung tâm Văn hóa và Xúc tiến Bắc Ninh</b>					<b>54.166</b>	<b>3.927</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>50.240</b>	
	Kinh phí thường xuyên 13	1062545	160-161	13	1161	14.495	413	-	-	14.082	
	Kinh phí không thường xuyên 12	1062545	160-161	12	1161	38.883	3.514	-	-	35.370	
	Kinh phí không thường xuyên (tiền thưởng) 18	1062545	160-161	18	1161	788	-	-	-	788	
<b>4</b>	<b>Bảo tàng Bắc Ninh 1</b>					<b>15.360</b>	<b>1.044</b>	<b>25</b>	<b>-</b>	<b>14.290</b>	
	Kinh phí thường xuyên 13	1062547	160-161	13	1161	6.397	195	25	-	6.176	
	Kinh phí không thường xuyên 12	1062547	160-161	12	1161	8.595	849	0	-	7.746	
	Kinh phí không thường xuyên (tiền thưởng) 18	1062547	160-161	18	1161	368	-	-	-	368	
<b>5</b>	<b>Bảo tàng Bắc Ninh 2</b>					<b>21.672</b>	<b>1.553</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.119</b>	
	Kinh phí thường xuyên 13	1042367	160-161	13	1172	7.806	256	-	-	7.550	
	Kinh phí không thường xuyên 12	1042367	160-161	12	1172	13.404	1.297	-	-	12.107	
	Kinh phí không thường xuyên (tiền thưởng) 18	1042367	160-161	18	1172	462	-	-	-	462	
<b>6</b>	<b>Thư viện Bắc Ninh 1</b>					<b>8.833</b>	<b>548</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.285</b>	
	Kinh phí thường xuyên 13	1062546	160-161	13	1161	4.151	122	-	-	4.029	
	Kinh phí không thường xuyên 12	1062546	160-161	12	1161	4.455	426	-	-	4.029	
	Kinh phí không thường xuyên (tiền thưởng) 18	1062546	160-161	18	1161	227	-	-	-	227	
<b>7</b>	<b>Thư viện Bắc Ninh 2</b>					<b>9.909</b>	<b>626</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.283</b>	
	Kinh phí thường xuyên 13	1042728	160-161	13	1172	4.731	146	-	-	4.585	
	Kinh phí không thường xuyên 12	1042728	160-161	12	1172	4.923	480	-	-	4.443	
	Kinh phí không thường xuyên (tiền thưởng) 18	1042728	160-161	18	1172	255	-	-	-	255	
<b>8</b>	<b>Sự nghiệp VH, thông tin (Văn phòng Sở VH-TTDL)</b>					<b>46.136</b>	<b>4.412</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>41.724</b>	
<b>a</b>	<b>Sự nghiệp Văn hóa</b>					<b>38.071</b>	<b>3.605</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>34.466</b>	
	Kinh phí không thường xuyên 12	1168606	160-161	12	1161	38.071	3.605	-	-	34.466	
<b>b</b>	<b>Sự nghiệp thông tin</b>					<b>8.065</b>	<b>807</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.258</b>	
	Kinh phí không thường xuyên 12	1168606	160-171	12	1161	8.065	807	-	-	7.258	
<b>IV</b>	<b>SỰ NGHIỆP THỂ THAO</b>					<b>200.658</b>	<b>8.187</b>	<b>448</b>	<b>-</b>	<b>192.023</b>	

TT	Nội dung	MÃ QHNS	C-L	Nguồn KP	Mã KBNN	Dự toán giao	Trừ TK 10%	Trừ 40% tạo nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Tổng số dự toán còn được chi	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Văn phòng Sở VH TTDL (Quản lý TDTT)</b>					<b>1.670</b>	<b>140</b>	-	-	<b>1.530</b>	
	Kinh phí không thường xuyên 12	1168606	220-221	12	1161	1.670	140	-	-	1.530	
<b>2</b>	<b>TT Huấn luyện và thi đấu Thể thao Bắc Ninh 1</b>					<b>95.989</b>	<b>3.269</b>	<b>448</b>	-	<b>92.272</b>	
	Kinh phí thường xuyên 13	1089847	220-221	13	1161	10.041	287	448	-	9.306	
	Kinh phí không thường xuyên 12	1089847	220-221	12	1161	85.353	2.982	-	-	82.371	
	Kinh phí không thường xuyên (tiền thưởng) 18	1089847	220-221	18	1161	595	-	-	-	595	
<b>3</b>	<b>TT Huấn luyện và thi đấu Thể thao Bắc Ninh 2</b>					<b>102.999</b>	<b>4.778</b>	-	-	<b>98.221</b>	
	Kinh phí thường xuyên 13	1127357	220-221	13	1172	11.501	348	-	-	11.153	
	Kinh phí không thường xuyên 12	1127357	220-221	12	1172	90.762	4.430	-	-	86.332	
	Kinh phí không thường xuyên (tiền thưởng) 18	1127357	220-221	18	1172	736	-	-	-	736	
<b>V</b>	<b>SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CHUYÊN ĐỀ SỐ</b>					<b>2.010</b>	-	-	-	<b>2.010</b>	
<b>1</b>	<b>Văn phòng Sở VH TTDL (Quản lý Du lịch)</b>					<b>800</b>	-	-	-	<b>800</b>	
	Kinh phí không thường xuyên 12	1168606	100-121	12	1161	800	-	-	-	800	
<b>2</b>	<b>Bảo tàng Bắc Ninh số 1</b>					<b>120</b>	-	-	-	<b>120</b>	
	Kinh phí không thường xuyên 12	1062547	100-121	12	1161	120	-	-	-	120	
<b>3</b>	<b>Thư viện Bắc Ninh 1</b>					<b>1.090</b>	-	-	-	<b>1.090</b>	
	Kinh phí không thường xuyên 12	1062546	100-121	12	1161	1.090	-	-	-	1.090	
<b>VI</b>	<b>KINH PHÍ ĐƠN VỊ TỰ CHỦ 100% CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	-	-	-	-	-	-	-	-		
<b>1</b>	<b>BQL khu DTTD&amp;RBVCQ Suối Mỡ</b>										
	<b>Tổng cộng</b>					<b>438.461</b>	<b>23.980</b>	<b>519</b>	-	<b>413.962</b>	

-----





TT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng											
			Văn phòng Sở	Trường TCVHTT DL	Nhà hát chèo	Nhà hát Dân ca Quan họ	Trung tâm VH&XT DL	Bảo tàng Bắc Ninh 1	Bảo tàng Bắc Ninh 2	Thư viện Bắc Ninh 1	Thư viện Bắc Ninh 2	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TT Bắc Ninh 1	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TT Bắc Ninh 2	BQL khu DTTĐ&RBVCQ Suối Mỡ
A	B	$I = 2+3+...13$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
<b>III</b>	<b>SỰ NGHIỆP VĂN HÓA, THÔNG TIN</b>	<b>182.157</b>	<b>41.724</b>	-	<b>21.194</b>	<b>17.022</b>	<b>50.240</b>	<b>14.290</b>	<b>20.119</b>	<b>8.285</b>	<b>9.283</b>	-	-	-
<b>1</b>	<b>Sự nghiệp văn hóa</b>	<b>174.899</b>	<b>34.466</b>	-	<b>21.194</b>	<b>17.022</b>	<b>50.240</b>	<b>14.290</b>	<b>20.119</b>	<b>8.285</b>	<b>9.283</b>	-	-	-
	Kinh phí thường xuyên 13	56.187			12.104	7.661	14.082	6.176	7.550	4.029	4.585			
	Kinh phí không thường xuyên 12	115.775	34.466		8.598	9.016	35.370	7.746	12.107	4.029	4.443			
	Kinh phí không thường xuyên (tiền thưởng) 18	2.937			492	345	788	368	462	227	255			
<b>2</b>	<b>Sự nghiệp thông tin</b>	<b>7.258</b>	<b>7.258</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí không thường xuyên 12	7.258	7.258											
<b>IV</b>	<b>SỰ NGHIỆP THỂ THAO</b>	<b>192.023</b>	<b>1.530</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	<b>92.272</b>	<b>98.221</b>	-
	Kinh phí thường xuyên 13	20.459										9.306	11.153	
	Kinh phí không thường xuyên 12	170.234	1.530									82.371	86.333	
	Kinh phí không thường xuyên (tiền thưởng) 18	1.330										595	735	
<b>V</b>	<b>SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CHUYÊN ĐỔI SỐ</b>	<b>2.010</b>	<b>800</b>	-	-	-	-	<b>120</b>	-	<b>1.090</b>	-	-	-	-
	Kinh phí không thường xuyên 12	2.010	800					120		1.090				
<b>VI</b>	<b>KINH PHÍ ĐƠN VỊ TỰ CHỦ 100% CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	-												
	<b>BQL khu DTTĐ&amp;RBVCQ Suối Mỡ</b>	-												
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>413.962</b>	<b>67.828</b>	<b>13.998</b>	<b>21.194</b>	<b>17.022</b>	<b>50.240</b>	<b>14.410</b>	<b>20.119</b>	<b>9.375</b>	<b>9.283</b>	<b>92.272</b>	<b>98.221</b>	-
	<b>Mã số đơn vị sử dụng NSNN</b>		<b>1168606</b>	<b>1062538</b>	<b>1062774</b>	<b>1042726</b>	<b>1062545</b>	<b>1062547</b>	<b>1042367</b>	<b>1062546</b>	<b>1042728</b>	<b>1089847</b>	<b>1127357</b>	
	<b>Mã số KB nơi giao dịch</b>		<b>1161</b>	<b>1161</b>	<b>1161</b>	<b>1172</b>	<b>1161</b>	<b>1161</b>	<b>1172</b>	<b>1161</b>	<b>1172</b>	<b>1161</b>	<b>1172</b>	

**DỰ TOÁN CHI TIẾT THU, CHI NSNN NĂM 2026**

**Toàn ngành - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tỉnh Bắc Ninh**

*(Kèm theo Quyết định số 464/QĐ-SVHTTDL ngày 31/12/2025 của Sở VHTTDL Bắc Ninh)*

ĐVT: 1.000.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
<b>A</b>	<b>TỔNG DỰ TOÁN NSNN</b>	<b>438.461</b>	<b>23.980</b>	<b>519</b>	<b>-</b>	<b>413.962</b>
<b>I</b>	<b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (Cơ quan Sở VHTTDL (QLNN))</b>	<b>24.591</b>	<b>797</b>	<b>20</b>		<b>23.774</b>
<b>1</b>	<b>Tổng số thu phí, lệ phí</b>	<b>200</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		<b>200</b>
*	<b>Tổng số thu, trong đó:</b>					
-	Phí, lệ phí cấp phép hoạt động VHTTDL	200				200
-	Thu hoạt động dịch vụ, thu khác					0
*	<b>Nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>0</b>				<b>0</b>
-	Thu phí, lệ phí...					0
-	Thu hoạt động dịch vụ, thu khác					0
*	<b>Tổng số thu được để lại chi</b>	<b>200</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		<b>200</b>
-	Thu phí, lệ phí...					0
-	Thu hoạt động dịch vụ, thu khác					0
	Trong đó: nguồn để làm lương 40% (chi phí trực tiếp 150 tr còn 50 tr *40% = 20 tr)	20				20
-	Thu phí, lệ phí...					0
-	Thu hoạt động dịch vụ, thu khác					0
<b>2</b>	<b>CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH</b>	<b>24.591</b>	<b>797</b>	<b>20</b>		<b>23.774</b>
<b>a</b>	<b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>	<b>17.029</b>	<b>435</b>	<b>20</b>		<b>16.574</b>
*	<b>Quỹ tiền lương Biên chế</b>	<b>12.682</b>	<b>-</b>	<b>20</b>		<b>12.662</b>
	Lương 63 biên chế:	8.136		20		8.116
	Phụ cấp chức vụ:	427				427
	Phụ cấp công tác Đảng:	87				87
	Phụ cấp NT:	9				9
	Phụ cấp công vụ:	2.141				2.141
	+Bảo hiểm BHXH biên chế:	1.456				1.456
	+Bảo hiểm BHYT biên chế:	257				257
	+Bảo hiểm BHTNLĐ biên chế:	43				43
	<b>Tăng lương trong năm</b>					
	Tăng lương biên chế:	88				88
	BH Tăng lương biên chế:	18				18
	Tăng phụ cấp công vụ:	22				22
*	<b>Định mức chi hoạt động</b>	<b>4.347</b>	<b>435</b>	<b>-</b>		<b>3.912</b>
	Biên chế: Định mức biên chế: 63 người*69tr	4.347	435			3.912
<b>b</b>	<b>Kinh phí không thực hiện tự chủ</b>	<b>7.562</b>	<b>362</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.200</b>
*	<b>Quỹ tiền thưởng BC theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP</b>	<b>814</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>814</b>
	Tiền thưởng biên chế: Lương BC	814				814
*	<b>Chi hợp đồng 111: 12 người</b>	<b>2.310</b>	<b>45</b>	<b>-</b>		<b>2.266</b>
	<b>Tiền lương HĐ</b>	<b>1.750</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>1.750</b>
	Lương Hợp đồng (HĐ 111):	1.122				1.122
	Phụ cấp TNVK:	16				16
	Phụ cấp công vụ:	284				284
	+BHXH:	193				193
	+BHYT:	34				34
	+BHTN	11				11
	+BHTNLĐ:	6				6
	Tuyển mới 1 LĐHĐ 01 người	70				70
	*Tăng lương hợp đồng: 21,5% (bao gồm cả BHXH, YT, TT)	11				11

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	* Tăng phụ cấp công vụ:	2				2
	<b>Định mức chi hoạt động của HD 111</b>	<b>449</b>	<b>45</b>	-		<b>404</b>
	Định mức hợp đồng: 13 người*69 trx 50%	449	45			404
	<b>Quỹ tiền thưởng BC + HD</b>	<b>112</b>	-	-		<b>112</b>
	Tiền thưởng LĐ hợp đồng 12 người:	112				112
	* <b>Chi nghiệp vụ chuyên môn</b>	<b>2.522</b>	<b>237</b>	-		<b>2.285</b>
	Tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan đến lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao, du lịch	150	15			135
	Tập huấn CCHC, phân mềm, chuyên đổi số cho CCVC Sở và phường, xã của ngành VH TTDL	120	12			108
	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	152				152
	Công tác kiểm tra hoạt động VH TTDL, tham dự các hoạt động; sự kiện VH TTDL quốc tế, quốc gia, khu vực và các tỉnh ngoài	500	50			450
	Thưởng tập thể, cá nhân ngoài ngành: GD sở tặng giấy khen ngoài CQ HC Doanh nghiệp; Tập thể, cá nhân Cơ sở	200	20			180
	Tiếp các đoàn TW và các tỉnh về tham dự các hoạt động sự kiện VH TTDL, thu hút đầu tư dịch vụ; Tham dự Hội nghị, hội thảo, tập huấn và các Sự kiện TW, tỉnh ngoài tổ chức	500	50			450
	Tổ chức đoàn công tác tham dự các sự kiện VH TTDL tại tỉnh Saysumbun Lào theo chương trình hợp tác	300	30			270
	Thực hiện công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Đề án 641 về tổng thể phát triển thể lực, tâm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030	100	10			90
	Tổ chức các hoạt động theo Biên bản phối hợp giữa BTV Tỉnh Ủy Bắc Ninh với BTV Tỉnh ủy các tỉnh Thái Nguyên, Lạng Sơn	100	10			90
	Tham dự Hội nghị, hội thảo, tập huấn và các Sự kiện TW, tỉnh ngoài tổ chức	150	15			135
	Chỉnh lý tài liệu	250	25			225
	* <b>KP hỗ trợ đi lại NQ 40</b>	<b>1.116</b>				<b>1.116</b>
	* <b>Chi sửa chữa TCCĐ</b>	<b>600</b>	<b>60</b>	-		<b>540</b>
	Nâng cấp cổng thông tin Sở VH TTDL	100	10			90
	Sửa chữa, thay thế tiết bị bổ sung phòng hội trường	500	50			450
	* <b>Mua sắm tài sản</b>	<b>200</b>	<b>20</b>	-		<b>180</b>
	Mua bàn ghế, máy chiếu, thiết bị khác,... phòng họp của cơ quan	200	20			180
<b>II</b>	<b>SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO</b>	<b>14.647</b>	<b>649</b>	-		<b>13.998</b>
<b>1</b>	<b>Trường Trung cấp Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bắc Ninh</b>	<b>14.647</b>	<b>649</b>	-		<b>13.998</b>
<b>a</b>	<b>Phần thu:</b>	<b>65</b>	-	-		<b>65</b>
*	Tổng số thu: thu học phí	65				65
	Tổng số thu: thu học phí	65				65
*	Tổng số thu nộp NSNN					-
*	Tổng số thu được để lại chi	65				65
	Trong đó: Nguồn cải cách tiền lương	-				-
<b>b</b>	<b>Phần chi NSNN</b>	<b>14.647</b>	<b>649</b>	-		<b>13.998</b>
b1	<b>Kinh phí chi thường xuyên</b>	<b>9.448</b>	<b>201</b>	-		<b>9.246</b>
*	<b>Quỹ tiền lương</b>	<b>7.435</b>	-	-		<b>7.435</b>
-	<b>Lương biên chế: 33 biên chế</b>	<b>7.307</b>	-	-		<b>7.307</b>
	Lương biên chế 33 biên chế:	3.800				3.800
	Phụ cấp chức vụ:	108				108
	Phụ cấp trách nhiệm:	8				8
	Phụ cấp TNVK:	55				55
	Phụ cấp TN nghề giáo:	562				562
	Phụ cấp đứng lớp:	1.801				1.801
	BHXH:	769				769

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	BHYT	136				136
	BHTN:	45				45
	BHTNLĐ-BNN:	23				23
-	<b>Tăng lương trong năm</b>	<b>128</b>	-	-		<b>128</b>
	Tiền lương tăng:	56				56
	Phụ cấp TNVK:	8				8
	Phụ cấp thâm niên nghề giáo:	43				43
	Tăng phụ cấp đứng lớp: 30 người	21				21
*	<b>Định mức chi thường xuyên</b>	<b>2.013</b>	<b>201</b>	-		<b>1.812</b>
	Định mức biên chế: 33 biên chế *61 tr	2.013	201			1.812
<b>b2</b>	<b>Chi không thường xuyên</b>	<b>5.200</b>	<b>448</b>	-		<b>4.752</b>
*	<b>Quỹ tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP</b>	<b>380</b>	-	-		<b>380</b>
	Tiền thưởng biên chế 33 biên chế:	380				380
*	<b>Lương Hợp đồng</b>	<b>131</b>	-	-		<b>131</b>
	Lương Hợp đồng (HĐ 111):	108				108
	+BHXH:	18				18
	+BHYT:	3				3
	+BHTN:	1				1
	+BHTNLĐ:	1				1
*	<b>Định mức Hợp đồng theo ND 111</b>	<b>31</b>	<b>3</b>	-		<b>27</b>
	Định mức LĐHĐ: 01*61tr*50%	31	3			27
*	<b>Quỹ tiền thưởng theo LĐHĐ ND 73/2024/ND-CP</b>	<b>11</b>				<b>11</b>
	Tiền thưởng LĐ HĐ 3,85 x 2,34tr x12T x10%	11				11
*	<b>Nhiệm vụ chuyên môn</b>	<b>4.177</b>	<b>398</b>	-		<b>3.779</b>
	Điện, nước công cộng	150	15			135
	Học bổng, bồi dưỡng nghề HS, trợ cấp xã hội	1.504	150			1.354
	Thừa giờ giáo viên	250	25			225
	Tiền thuê xe, xăng dầu xe đưa, đón học sinh đi thực tế, thực tập, công tác phí của giáo viên	180	18			162
	Thưởng cho học sinh và tập thể lớp đạt thành tích trong năm học và các cuộc thi do nhà trường, tỉnh tổ chức	20	2			18
	Mở lớp bồi dưỡng Quản lý TDTT, bồi dưỡng Du lịch, bồi dưỡng truyền dạy hát dân ca Quan họ	300	30			270
	Thi Giáo viên giỏi, học sinh giỏi, các cuộc thi do nhà trường tổ chức	50	5			45
	Thuê giáo viên ngoài nhà trường đi dạy tại cơ sở	150	15			135
	Xây dựng và tham gia biểu diễn chương trình văn nghệ thực hiện nhiệm vụ chính trị, ngày lễ lớn	250	25			225
	Tham gia Hội thao HSSV các cơ sở GDNN tỉnh Bắc Ninh (khởi thi đua các trường chuyên nghiệp)	100	10			90
	Mua vật tư, trang phục, họa phẩm, đạo cụ phục vụ giảng dạy các môn học, ngành học	150	15			135
	Kinh phí sơ tuyển, tuyển sinh (xăng xe, công tác phí đi tuyển sinh, tuyên truyền tuyển sinh), thi tốt nghiệp	70	7			63
	Trao đổi học tập kinh nghiệm về công tác đào tạo năng khiếu nghệ thuật - năng khiếu thể thao tại tỉnh bạn theo Nghị định 61/2006/ND-CP	150	15			135
	Thuê người ngồi mẫu vẽ	20	2			18
	Mua sách bổ sung thư viện	30	3			27
	Tham gia các cuộc thi, triển lãm do các bộ (VHTTDL, LĐTĐ&XH...) khu vực, tỉnh tổ chức đối với giáo viên và học sinh (Công tác phí, ngủ nghỉ, thuê xe, thiết bị dụng cụ tập luyện thi đấu, chi khác...)	300	30			270

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	Thuê CSVC mở lớp tại các cơ sở, thuê sân bãi phục vụ công tác giảng dạy học tập cho giáo viên và học sinh trung cấp và học sinh năng khiếu chuyên ngành thể dục thể thao và các chuyên ngành khác	250	25			225
	Kinh phí chi trả tiền giờ giảng cho giáo viên thể dục thể thao, giáo viên GDQP và hỗ trợ tiền trang phục cho giáo viên thể dục thể thao và GDQP-AN	54	5			49
	Kinh phí chi trả giảng dạy chương trình GDTX cấp THPT	199				199
*	<b>Mua sắm</b>	<b>470</b>	<b>47</b>	<b>-</b>		<b>423</b>
	Mua máy tính để bàn phòng tin học	120	12			108
	Bộ Tượng bán thân nam; nữ; tượng ngói nam, nữ:	80	8			72
	Bộ khối cơ bản (vuông, tròn, chóp, trụ):	12	1			11
	Phù điều vốn cổ chùa, Thờ:	30	3			27
	Giá vẽ phục vụ lớp vẽ	30	3			27
	Máy ảnh phục vụ giảng dạy Mỹ thuật:	50	5			45
	Mua điều hoà các lớp học	50	5			45
	Mua cột bóng rổ di động phục vụ học sinh tập luyện môn bóng rổ	33	3			30
	Mua bàn bóng bàn phục vụ học sinh học tập môn bóng bàn:	25	3			23
	Trái sắn phòng học múa	40	4			36
*	<b>Sửa chữa</b>					
*	<b>Tinh giảm biên chế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>-</b>
	Tinh giảm biên chế		-			-
<b>III</b>	<b>SỰ NGHIỆP VĂN HÓA</b>	<b>196.555</b>	<b>14.347</b>	<b>51</b>		<b>182.157</b>
<b>1</b>	<b>Nhà hát Chèo Bắc Ninh</b>	<b>22.292</b>	<b>1.072</b>	<b>26</b>		<b>21.194</b>
<b>a</b>	<b>Phần thu:</b>	<b>350</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>350</b>
*	Tổng số thu sự nghiệp: Thu biểu diễn nghệ thuật	350				350
*	Tổng số thu nộp ngân sách nhà nước	35				35
*	Tổng số thu được để lại chi: Chi phí trực tiếp 250 tr còn 65 tr x 40% cải cách tiền lương	315				315
	Trong đó: Nguồn cải cách tiền lương	26				26
<b>b</b>	<b>Chi NSNN</b>	<b>22.292</b>	<b>1.072</b>	<b>26</b>		<b>21.194</b>
<b>b1</b>	<b>Kinh phí chi thường xuyên</b>	<b>12.417</b>	<b>287</b>	<b>26</b>		<b>12.104</b>
*	<b>Quỹ tiền lương</b>	<b>6.986</b>	<b>-</b>	<b>26</b>		<b>6.960</b>
	Lương cơ bản 46 biên chế:	4.651		26		4.625
	Phụ cấp chức vụ:	114				114
	Phụ cấp công tác Đảng:	8				8
	Phụ cấp TN:	20				20
	Phụ cấp độc hại	208				208
	Phụ cấp ưu đãi nghệ	755				755
	Bảo hiểm theo biên chế (BHXH, YT, TN, TTNN)	1.026				1.026
	Tăng lương thường xuyên trong năm + BH	124				124
	Dự kiến tuyển mới 1 biên chế tuyển mới :	81				81
*	<b>Đặt hàng biểu diễn nghệ thuật</b>	<b>2.564</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>2.564</b>
	Đặt hàng biểu diễn nghệ thuật phục vụ đồng bào miền núi, người có công và Ca múa nhạc 180 buổi	2.564				2.564
*	<b>Định mức chi hoạt động</b>	<b>2.867</b>	<b>287</b>	<b>-</b>		<b>2.580</b>
	Biên chế 47 x 61 tr	2.867	287			2.580
<b>b2</b>	<b>Kinh phí không thường xuyên</b>	<b>9.875</b>	<b>785</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.091</b>
*	<b>Quỹ tiền thưởng theo BC theo ND 73/2024/ND-CP</b>	<b>465</b>				<b>465</b>
*	<b>Chi hợp đồng</b>	<b>1.585</b>	<b>9</b>	<b>-</b>		<b>1.575</b>
	Lương 03 hợp đồng 111:	269				269
	Tăng lương hợp đồng 111	12				12

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	Bảo hiểm lương hợp đồng 111	60				60
	Định mức chi HD 111: 3 HD*61 trđ *50%	92	9			82
	Thuê HD diễn viên trẻ cho các vở diễn 12 người	1.152				1.152
	<b>Quỹ tiền thưởng HD theo ND 73/2024/ND-CP:</b>	<b>27</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>27</b>
	Quỹ tiền thưởng lương HD theo ND 73/2024/ND-CP	27				27
<b>*</b>	<b>Chi nghiệp vụ chuyên môn</b>	<b>7.113</b>	<b>711</b>	<b>-</b>		<b>6.402</b>
	Dịch vụ công cộng	100	10			90
	Bảo tồn quan họ,ca trù	127	13			114
	Trích đoạn hài, 01 vở ngắn	700	70			630
	Dựng Vở mới 02 vở	3.500	350			3.150
	XD chương trình CMN dân gian: 02 chương trình	1.000	100			900
	Mời nghệ sĩ, nghệ nhân TW về tập huấn	200	20			180
	Mời Nghệ nhân dạy giá hầu đồng	105	10			95
	Phát triển sân khấu Chèo truyền thống ở địa phương	1.000	100			900
	Mời Nghệ nhân về dạy hát Then và đàn tính	100	10			90
	Đi trao đổi học tập kinh nghiệm các đơn vị tỉnh bạn chuẩn bị cho liên hoan sân khấu Chèo toàn quốc năm 2026	100	10			90
	Liên hoan Chèo toàn quốc năm 2026	61	6			55
	Liên hoan CLB chèo không chuyên tỉnh Bắc Ninh	120	12			108
<b>*</b>	<b>KP hỗ trợ đi lại NQ 40</b>	<b>36</b>	<b>-</b>			<b>36</b>
<b>*</b>	<b>Sửa chữa</b>	<b>150</b>	<b>15</b>	<b>-</b>		<b>135</b>
	Sửa chữa thiết bị âm thanh,ánh sáng, TS khác	150	15			135
<b>*</b>	<b>Mua sắm TSCĐ</b>	<b>500</b>	<b>50</b>	<b>-</b>		<b>450</b>
	Bàn mixer	70	7			63
	Bộ lá sóng	30	3			27
	Mic cài đầu	100	10			90
	Zắc tín hiệu đực cái	10	1			9
	Zắc tín hiệu	10	1			9
	Mic nhạc cụ	20	2			18
	Micro	25	3			23
	Máy tạo khói	10	1			9
	Máy tạo khói sân khấu	8	1			7
	Bộ chia và khuếch đại tín hiệu	6	1			5
	Chân treo đèn 2 tầng	6	1			5
	Đèn parled	40	4			36
	Đèn COB, P-COB	40	4			36
	Đèn Daylight	10	1			9
	Bàn điều khiển ánh sáng	15	2			14
	Đèn Follow Beam	40	4			36
	Đèn Beam Sport	30	3			27
	Dây tín hiệu chống nhiễu	10	1			9
	Đàn Đáy	20	2			18
<b>2</b>	<b>Nhà hát Quan họ Bắc Ninh</b>	<b>18.187</b>	<b>1.165</b>	<b>-</b>		<b>17.022</b>
<b>a</b>	<b>Phần thu</b>	<b>1.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>1.000</b>
	Thu hoạt động biểu diễn	1.000				1.000
<b>*</b>	Tổng số thu nộp ngân sách nhà nước					-
<b>*</b>	Tổng số thu được để lại chi	1.000				1.000
<b>*</b>	Trong đó: Nguồn cải cách tiền lương					-
<b>b</b>	<b>Phần chi NSNN</b>	<b>18.187</b>	<b>1.165</b>	<b>-</b>		<b>17.022</b>
<b>b1</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>7.899</b>	<b>238</b>	<b>-</b>		<b>7.661</b>
<b>*</b>	<b>Quỹ tiền lương</b>	<b>5.520</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>5.520</b>
	Lương ngạch bậc cho 30 biên chế	2.887				2.887

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	PC ưu đãi nghề	1.100				1.100
	Phụ cấp chức vụ:	118				118
	Phụ cấp trách nhiệm:	0				0
	BHXH 17%	511				511
	BHYT 3%	90				90
	BHTN 1%	30				30
	BHTNLĐ - BNN 0,5%	15				15
	Tăng lương thường xuyên theo hệ số :	51				51
	Dự kiến tuyển mới 9 VC (chờ biên chế):	719				719
*	<b>Chi thường xuyên: 39 người x 61tr/người</b>	<b>2.379</b>	<b>238</b>			<b>2.141</b>
<b>b2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>10.289</b>	<b>927</b>	-	-	<b>9.362</b>
*	<b>Quỹ khen thưởng biên chế</b>	<b>306</b>	-	-		<b>306</b>
*	<b>Chi tiền công lao động hợp đồng thường xuyên theo ND 111</b>	<b>676</b>	-	-		<b>676</b>
	Tiền công lao động HĐ 111	395				395
	PC ưu đãi nghề	105				105
	Phụ cấp TNVK:	7				7
	+ BHXH 17%	68				68
	+ BHYT 3%	12				12
	BHTN 1%	4				4
	+ BHTNLĐ - BNN 0,5%	2				2
	Tăng lương thường xuyên LĐHĐ theo hệ số (bao gồm cả BH)	8				8
	Tiếp nhận 01 LĐ HĐ mới	75				75
*	<b>Chi định mức LĐHĐ: 6 người x 61tr *50 %</b>	<b>177</b>	<b>18</b>			<b>159</b>
*	<b>Quỹ khen thưởng HĐ: (quỹ lương ND 111) 14,06 x 2,34x 12 tháng 10%</b>	<b>39</b>				<b>39</b>
*	<b>Chi nghiệp vụ chuyên môn</b>	<b>8.696</b>	<b>870</b>	-		<b>7.826</b>
	Bồi dưỡng luyện tập, biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị	1.480	148			1.332
	Chi phí phục vụ nhiệm vụ chính trị	670	67			603
	Sưu tầm, bảo tồn, lưu giữ âm nhạc Dân ca Quan họ Bắc Ninh	70	7			63
	Tổ chức hát Quan họ trên thuyền	1.892	189			1.703
	Tham gia liên hoan ca múa nhạc toàn quốc năm 2026	2.000	200			1.800
	Thực hiện quảng bá Dân ca Quan họ Bắc Ninh tại Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam	1.000	100			900
	Tổ chức đoàn quảng bá Dân ca Quan họ theo nhiệm vụ hội nhập quốc tế trong tình hình mới tại Châu Âu	1.584	158			1.426
*	<b>Chi mua sắm, sửa chữa</b>	<b>395</b>	<b>40</b>	-		<b>355</b>
	Bảo dưỡng hệ thống điện tử nhà hát Quan họ	100	10			90
	Diệt mối toà nhà sân khấu	100	10			90
	Bảo dưỡng hệ thống PCCC	125	13			112
	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điều hòa Nhà hát	70	7			63
<b>3</b>	<b>Trung tâm Văn hoá và Xúc tiến Du lịch Bắc Ninh</b>	<b>54.166</b>	<b>3.927</b>	-		<b>50.240</b>
<b>a</b>	<b>Phần thu:</b>	-	-			-
*	Tổng số thu: thu sự nghiệp, dịch vụ		-			-
*	Tổng số thu nộp ngân sách nhà nước		-			-
*	Tổng số thu được để lại chi		-			-
<b>b</b>	<b>Phần chi NSNN</b>	<b>54.166</b>	<b>3.927</b>	-		<b>50.240</b>
<b>b1</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>14.495</b>	<b>413</b>	-		<b>14.082</b>
*	<b>Quỹ tiền lương BC</b>	<b>9.150</b>	-	-		<b>9.150</b>
	- Lương biên chế: 70 biên chế	7.124				7.124
	- Phụ cấp CV	205				205
	- Phụ cấp TNVK	11				11
	- Phụ cấp độc hại:	51				51

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	- Phụ cấp các Đảng:	8				8
	- Phụ cấp CCB:	28				28
	- Phụ cấp TN:	17				17
	BHXH, BHYT, BHTN, BHBNN; 21,5%	1.584				1.584
	- Dự kiến nâng lương do nâng bậc năm 2025: (cả BH)	122				122
*	<b>Đặt hàng Chiếu bóng</b>	<b>1.215</b>	-	-		<b>1.215</b>
	Chiếu phim phục vụ nhân dân và nhiệm vụ chính trị năm 2026:	1.215				1.215
*	<b>Định mức chi thường xuyên BC</b>	<b>4.130</b>	<b>413</b>	-		<b>3.717</b>
	- Định mức biên chế (70*59)	4.130	413			3.717
<b>b2</b>	<b>Chi không thường xuyên</b>	<b>39.671</b>	<b>3.514</b>	-		<b>36.158</b>
*	<b>Tiền thưởng BC theo ND 73</b>	<b>744</b>	-	-		<b>744</b>
*	<b>Lương HD</b>	<b>534</b>	-	-		<b>534</b>
	- Lương HD 111 (05 người):	440				440
	BHXH, YT, TN, BNN HD 111: 21,5%	95				95
*	<b>Quỹ tiền lương + định mức HD</b>	<b>2.094</b>	-	-		<b>2.094</b>
	- HD đặc thù tuyên truyền lưu động 10 người	1.080				1.080
	- Bảo hiểm XH, YT, BNN, TN lương HD	232				232
	- HD thuê bảo vệ khu trung tâm hội nghị triển lãm	432				432
	- HD thuê vệ sinh công nghiệp khu trung tâm Hội nghị triển lãm	350				350
*	<b>Định mức LĐHD 111: 5 người x 59tr * 50%</b>	<b>148</b>	<b>15</b>			<b>133</b>
*	<b>Tiền thưởng LĐ HD theo ND 73</b>	<b>44</b>				<b>44</b>
*	<b>Nhiệm vụ chuyên môn</b>	<b>32.213</b>	<b>3.221</b>	-	-	<b>28.992</b>
	Điện nước trung tâm Hội nghị triển lãm	850	85			765
	Bảo hiểm cháy nổ và tập huấn cháy nổ trung tâm Hội nghị triển lãm	50	5			45
	Mở lớp truyền dạy hát Then - Đàn tính	90	9			81
	Mở lớp tập huấn ca trù	90	9			81
	Mở lớp quan họ	90	9			81
	Mở lớp hát Chèo	90	9			81
	Mở lớp tập huấn VHCS	60	6			54
	Hội thi hát dân ca quan họ Bắc Ninh xuân Bính Ngọ 2026	350	35			315
	Hội thi tuyên truyền lưu động năm 2026	200	20			180
	Hội thi sân khấu không chuyên năm 2026	200	20			180
	Liên hoan các Làng quan họ gốc tỉnh Bắc Ninh lần thứ I - 2026	350	35			315
	Đội thông tin lưu động PV tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị	500	50			450
	Tham gia liên hoan tuyên truyền lưu động chào mừng thành công Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và bầu cử quốc hội khóa XVI (Thời gian 35 phút)	500	50			450
	Tham gia Hội diễn Nghệ thuật quần chúng toàn quốc "Đàn, hát dân ca ba miền"	500	50			450
	Sự kiện ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam	500	50			450
	Dàn dựng Chương trình nghệ thuật ca, múa nhạc mừng Đảng, mừng xuân 2026	100	10			90
	Dàn dựng Chương trình ca, múa nhạc kỉ niệm ngày Giải phóng miền Nam và Quốc tế lao động 30/4-1/5	100	10			90
	Dàn dựng Chương trình ca, múa nhạc kỉ niệm ngày Thương binh liệt sĩ 27/7	100	10			90
	Dàn dựng Chương trình ca, múa nhạc chào mừng kỉ niệm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9	100	10			90
	Dàn dựng Chương trình ca, múa nhạc toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa	100	10			90
	Dàn dựng Chương trình ca, múa nhạc Chào mừng Đại hội Đảng bộ	100	10			90

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	các cấp					
	Thực hiện công tác tuyên truyền tuần VHDL (Fessivan)	500	50			450
	Chương trình nghệ thuật Lễ đón bằng của UNesco; Trình diễn một số di sản văn hoá phi vật thể được UNESCO ghi danh; trưng bày “Hành trình sắc màu di sản văn hoá phi vật thể đại diện các vùng, miền”; Trò chơi dân gian và dân hương,.. Lễ đón nhận Bằng của UNESCO công nhận Quần thể Di tích và Danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc là Di sản văn hóa thế giới; ghi danh Nghề làm tranh dân gian Đông Hồ vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp và Festival "Về miền di sản - 2026"	16.455	1.646			14.810
	Tuyên truyền Chào năm mới 2026; Thành lập Đảng CSVN	180	18			162
	Tuyên truyền 51 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; 72 năm chiến thắng Điện Biên Phủ; 136 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh	150	15			135
	Tuyên truyền 81 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	120	12			108
	Tuyên truyền Ngày Quốc phòng toàn dân và thành lập QĐNDVN 22/12/2026	100	10			90
	Tuyên truyền Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam	250	25			225
	Tuyên truyền Bầu cử HĐND các cấp và Bầu cử Đại biểu Quốc hội	200	20			180
	Hội thi Tuyên truyền lưu động tỉnh Bắc Ninh	350	35			315
	Triển lãm Mỹ thuật tỉnh Bắc Ninh (tổ chức thường niên 2 năm/lần)	300	30			270
	Tổ chức thi sáng tác Tranh cổ động Bầu cử Quốc Hội	200	20			180
	Triển lãm tranh cổ động tầm lớn tuyên truyền về biên giới, biên, đảo Việt Nam	93	9			84
	Đăng cai 01 cuộc Triển lãm Tranh cổ động tầm lớn ngoài trời do Cục VHCSGD tổ chức tại Bắc Ninh	150	15			135
	Tham gia Hội thi Tuyên truyền lưu động ngoài tỉnh	150	15			135
	Khai mạc tuần phim 3 buổi	90	9			81
	Làm phim tư liệu, phóng sự cổ động, tuyên truyền	160	16			144
	Truyền truyền trực quan lưu động Triển lãm Tranh cổ động tầm lớn Kỷ niệm 80 năm Ngày Toàn quốc kháng chiến (19/12/1946-19/12/2026)	100	10			90
	Chiếu phim lưu động 50 buổi x 2,700,000 đ phục vụ trung tâm người có công và trường học	135	14			122
	Tham gia liên hoan phim toàn quốc tại TPHCM	100	10			90
	Nâng cấp; duy trì Websie (Phí dịch vụ VPS Biz 2 http://dulichbacninh.gov.vn và tên miền dulichbacninh.gov.vn; bacninh tourism.vn)	150	15			135
	Biên soạn In giới thiệu quảng bá du lịch (Các điểm đến Du lịch Bắc Ninh)	300	30			270
	Trả nhuận bút trang Web các nội dung tin, bài của trang Web Du lịch	150	15			135
	Trả tiền nhuận bút, cập nhật dữ liệu (Cổng thông tin du lịch thông minh tỉnh).	150	15			135
	Tổ chức Famtrip khảo sát điểm đến Du lịch cộng đồng, du lịch làng nghề và du lịch nông nghiệp vùng cây ăn quả tỉnh Bắc Ninh	180	18			162
	Tham gia Lễ hội Côn Sơn- Kiếp Bạc 2026	150	15			135
	Đặt banner website du lịch Bắc Ninh trên trang chủ website: Vietnamtourism.gov.vn.	120	12			108
	Làm phim tư liệu, video quảng bá du lịch trên VTVChương trình khám phá Việt Nam: Thể loại phóng sự,	200	20			180

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	Liên hoan du lịch ẩm thực Bắc Ninh 2026	300	30			270
	Tổ chức Triển lãm Sản phẩm thủ công mỹ nghệ và Làng nghề truyền thống hưởng ứng "Tuần văn hóa - du lịch Bắc Ninh 2026"	1.350	135			1.215
	Tổ chức "Không gian văn hóa, du lịch Bắc Ninh tại Hạ Long, Quảng Ninh"	428	43			385
	Tổ chức tuyên truyền, quảng bá du lịch; trưng bày, giới thiệu sản phẩm làng nghề truyền thống và trình diễn rối nước Đồng Ngự tại 20 điểm du lịch năm 2026 (mỗi điểm trưng bày gồm 10 gian hàng đơn, trình diễn múa rối nước, giới thiệu làng nghề gốm phù lã, tranh dân gian Đông Hồ, làng nghề đồng, chạm khắc gỗ, mây tre đan)	500	50			450
	Tổ chức Tour du lịch miễn phí năm 2026	1.000	100			900
	Tổ chức Hội thi Hướng dẫn viên du lịch giỏi tỉnh Bắc Ninh năm 2026	221	22			199
	Tổ chức Trại sáng tác sản phẩm lưu niệm du lịch tỉnh Bắc Ninh năm 2026	251	25			226
	Tham gia Ngày hội du lịch Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026	250	25			225
	Tham gia hội chợ du lịch quốc tế Việt trung 2026	200	20			180
	Tham gia hội chợ du lịch quốc tế VITM Hà Nội	150	15			135
	Tham gia Liên hoan ẩm thực Hưng Yên 2026	100	10			90
	Tham gia quảng bá du lịch tại diễn đàn tiêu thụ vải thiều	150	15			135
	Nâng cấp, duy trì hoạt động công du lịch thông minh tỉnh	150	15			135
	Xây dựng 15 điểm du lịch trên địa bàn tỉnh đề số hóa ứng dụng VRA 360 độ, tích hợp trên cổng DLTM; (chuyển đổi số tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030),	400	40			360
	Làm bảng thông tin giới thiệu về di tích	90	9			81
	Làm biển chỉ dẫn du lịch đến các khu, điểm du lịch	220	22			198
	Hội nghị Xúc tiến điểm đến du lịch tỉnh Bắc Ninh năm 2026	250	25			225
*	<b>KP hỗ trợ đi lại NQ 40</b>	<b>1.116</b>				<b>1.116</b>
*	<b>Sửa chữa, mua sắm</b>	<b>2.778</b>	<b>278</b>	<b>-</b>		<b>2.500</b>
	Mua Giá sắt trưng bày tranh, ảnh Triển lãm	50	5			45
	Giá sắt hộp 3x6, hàn kín mối, sơn tĩnh điện, có ke đỡ tranh	50	5			45
	Mua mới bộ Giá đỡ Pano tuyên truyền tại Trung tâm VH TL mới	100	10			90
	Máy photocopy	90	9			81
	Mixer chinh âm thanh	425	43			383
	Flight Case Mixer	18	2			16
	Box kết nối	250	25			225
	Công xuất Powerso	350	35			315
	Micro Sennheiser	220	22			198
	Micro cài tai	180	18			162
	Dây tín hiệu	16	2			14
	Đèn Par Led	80	8			72
	Đèn Cob	32	3			29
	Micro	8	1			7
	Cạc âm thanh	9	1			8
	Zac Canon	12	1			11
	Headphone kiểm âm	10	1			9
	Chân đèn chiếu sáng	5	1			5
	Chân micro đứng cao	9	1			8
	Chân micro thấp	3	0			3
	Bộ đàm Kenwood kèm sạc nguồn	10	1			9
	Tủ ABS	11	1			10
	Tủ nhôm kính đựng, treo trang phục biểu diễn	60	6			54
	Dung dịch tạo khói	30	3			27

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	Chi phí sửa chữa bảo trì hệ thống điện nước	70	7			63
	Chi phí sửa chữa bảo trì hệ thống mái tôn, thoát nước nhà Trung tâm VH triển lãm	130	13			117
	Lắp đặt hệ thống rèm cửa các phòng, rèm sân khấu hội trường	200	20			180
	Chi phí vận hành hệ thống máy phát điện phục vụ tổ chức các sự kiện	50	5			45
	Làm biển tên đơn vị bằng Inox mạ vàng ; Trung tâm Văn và Xúc tiến Du lịch Bắc Ninh"	100	10			90
	Sửa chữa thiết bị âm thanh sáng sủa phụ vụ đội TTLĐ, Sửa chữa tài sản (Thiết bị máy vi tính, máy in, âm thanh, máy chiếu, máy phô tô, điều hòa và các thiết bị dùng cho chuyên môn)	200	20			180
<b>4</b>	<b>Bảo tàng Bắc Ninh số 1</b>	<b>15.359</b>	<b>1.044</b>	<b>25</b>		<b>14.290</b>
<b>a</b>	<b>Phần thu:</b>	<b>137</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>137</b>
*	Tổng số thu: Sự nghiệp, dịch vụ	137				137
	Thu dịch vụ cho thuê mặt bằng bán cá phê, giải khát, đồ lưu niệm	137				137
*	Tổng số thu nộp NSNN	74				74
	Thu dịch vụ cho thuê mặt bằng bán cá phê, giải khát, đồ lưu niệm	74				74
*	Tổng số thu được để lại chi	63				63
	Chi tiết:					-
	- Thu dịch vụ	63				63
	Trong đó: Nguồn làm lương	25				25
<b>b</b>	<b>Phần chi:</b>	<b>15.359</b>	<b>1.044</b>	<b>25</b>		<b>14.290</b>
<b>b1</b>	<b>Kinh phí chi thường xuyên</b>	<b>6.397</b>	<b>195</b>	<b>25</b>		<b>6.177</b>
*	<b>Quỹ tiền lương</b>	<b>4.445</b>	<b>-</b>	<b>25</b>		<b>4.420</b>
	- Lương TT hiện có: 32 biên chế:	3.465		25		3.440
	Phụ cấp chức vụ:	124				124
	- Phụ cấp công tác Đảng	8				8
	PCTN	6				6
	- Phụ cấp độc hại:	17				17
	- Tăng lương biên chế:	54				54
	- Bảo hiểm BHXH biên chế:	610				610
	- Bảo hiểm YT biên chế:	108				108
	- Bảo hiểm thất nghiệp biên chế:	36				36
	- Bảo hiểm TNLĐ, BNN :	18				18
*	<b>Định mức chi thường xuyên</b>	<b>1.952</b>	<b>195</b>	<b>-</b>		<b>1.757</b>
	`- Định mức theo số biên chế : 32 biên chế x 61 triệu đồng	1.952	195			1.757
<b>b2</b>	<b>Kinh phí chi không thường xuyên</b>	<b>8.962</b>	<b>849</b>	<b>0</b>	<b>-</b>	<b>8.114</b>
*	<b>Quỹ Tiền thưởng BC</b>	<b>359</b>				<b>359</b>
*	<b>Lương + định mức HĐ</b>	<b>137</b>	<b>3</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>134</b>
	Lương Hợp đồng được giao:	88				88
	+ BHXH: 17%	15				15
	+ BHYT: 3%	3				3
	BHTN: 1%	1				1
	BH TNLĐ, BNN: 0,5%	0,4				0,4
	- Định mức hợp đồng ND 111: 01 HĐ x 30,5 triệu đồng	31	3			27
*	<b>Quỹ Tiền thưởng:</b>	<b>9</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9</b>
	`- Quỹ tiền thưởng HĐ:	9				9
*	<b>Nhiệm vụ CM</b>	<b>6.158</b>	<b>616</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.542</b>
	Bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại	10	1			9
	Chi điện nước công cộng	120	12			108
	Trung bày chuyên đề mừng Đảng mừng Xuân	120	12			108

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	Trung bày kỷ niệm các ngày lễ lớn và trung bày lưu động trong và ngoài tỉnh	640	64			576
	Trung bày chuyên đề " Dấu thiêng phật giáo Tây Yên Tử - Di vật từ lòng đất" Tuần văn hóa du lịch (festival)	250	25			225
	Chỉnh Lý Khu vực Trưng bày chuyên đề (Tầng 1):	700	70			630
	Chỉnh Lý Khu vực Trưng bày cố định (Tầng 2)	800	80			720
	Bảo tồn mở tại chỗ địa điểm khảo cổ đã được khai quật.	1.059	106			953
	Biên soạn, xuất bản sách " Thân thế, sự nghiệp Hán Quận Công Thân Công Tài"	80	8			72
	Biên soạn, xuất bản sách " Di sản văn hóa Làng Vân"	80	8			72
	Biên soạn, xuất bản sách " Vật liệu kiến trúc thời Lý - Trần tiêu biểu vùng Tây Yên Tử"	100	10			90
	Tổ chức ngày Di sản văn hóa Việt Nam 23/11	60	6			54
	Tổ chức các hoạt động giáo dục di sản tại Bảo tàng	200	20			180
	Lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Nghề nấu rượu Làng Vân	70	7			63
	Lập hồ sơ xếp hạng di tích cấp tỉnh, quốc gia.	200	20			180
	Lập hồ sơ khoa học xếp hạng làng Thổ Hà là di tích quốc gia	300	30			270
	Bổ sung hồ sơ di tích đã xếp hạng quốc gia	150	15			135
	Lập hồ sơ Hát ồng, hát ví Liên Chung xã Phúc Hòa đề nghị đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 2026	100	10			90
	Bảo quản thường xuyên tài liệu hiện vật tại kho Bảo tàng	50	5			45
	Phòng chống mối kho tài liệu hiện vật bảo tàng, khu trưng bày nhà sàn Cao Lan, các kho hiện vật, khu trưng bày, các phòng làm việc, khu hành chính	60	6			54
	Kiểm kê nhà cổ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	60	6			54
	Bảo vệ và phát huy các di tích trọng điểm gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2026	60	6			54
	Khảo sát đánh giá, định hướng tu bổ tôn tạo di tích đã được nhà nước xếp hạng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2026	70	7			63
	Bảo hiểm cháy nổ	50	5			45
	Kinh phí sửa chữa, duy tu 13 cụm tượng	69	7			62
	Trung bày: chuyên đề giới thiệu Di sản thế giới; Sắc màu văn hóa các dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Ninh,... Lễ đón nhận Bằng của UNESCO công nhận Quần thể Di tích và Danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc là Di sản văn hóa thế giới; ghi danh Nghề làm tranh dân gian Đông Hồ vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp và Festival "Về miền di sản - 2026	700	70			630
*	<b>Sửa chữa</b>	<b>800</b>	<b>80</b>	-		<b>720</b>
	Sửa chữa nhà trưng bày và các hạng mục trong, ngoài nhà Bảo tàng tỉnh Bắc Ninh số 1	500	50			450
	Sửa chữa hệ thống điện thấp sáng, camera, trang thiết bị, máy móc, phục vụ công tác chuyên môn	200	20			180
	Tập huấn, xúc nạp, bảo dưỡng, sửa chữa thay thế hệ thống PCCC	50	5			45
	Bảo trì hệ thống thiết bị phòng giám sát - Hệ thống Camera an ninh giám sát cố vật, hệ thống màn hình tương tác hiển thị thông tin và hệ thống thiết bị kiểm soát vào ra Bảo tàng tỉnh	50	5			45
*	<b>Mua sắm</b>	<b>1.500</b>	<b>150</b>	-		<b>1.350</b>
	Thiết bị điều khiển nhiệt ẩm	16	2			14
	Bàn, ghế, bục phát biểu phòng họp	80	8			72
	Điều hòa treo tường	75	8			68
	Loa thuyết minh không dây	29	3			26
	Tượng Manocanh: Dân tộc Cao Lan; dân tộc Sán Dìu	150	15			135

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	Mua giá bảo quản hiện vật:	100	10			90
	Tủ đựng hiện vật vải	50	5			45
	Sưu tầm hiện vật	1.000	100			900
<b>5</b>	<b>Bảo tàng Bắc Ninh số 2</b>	<b>21.671</b>	<b>1.553</b>	<b>-</b>		<b>20.119</b>
<b>a</b>	<b>Thu sự nghiệp, dịch vụ</b>					-
	Tổng thu					-
	Chi phí trực tiếp					-
	Nộp ngân sách					-
<b>b</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>21.671</b>	<b>1.553</b>	<b>-</b>		<b>20.119</b>
<b>b1</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>7.806</b>	<b>256</b>	<b>-</b>		<b>7.550</b>
*	<b>Biên chế có mặt: 42 người</b>	<b>5.244</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>5.244</b>
	HSL Lương + Phụ cấp chức vụ	4.246				4.246
	Phụ cấp độc hại + PC trách nhiệm	14				14
	Bảo hiểm (21,5%)	913				913
	- Tăng lương biên chế:	71				71
	<b>Định mức khoán chi (42 người x 61tr/người)</b>	<b>2.562</b>	<b>256</b>			<b>2.306</b>
<b>b2</b>	<b>Kinh phí chi không thường xuyên</b>	<b>13.866</b>	<b>1.296</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.569</b>
*	<b>Quỹ tiền thưởng BC theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP</b>	<b>425</b>				<b>425</b>
*	<b>Hợp đồng 111: 5 người</b>	<b>593</b>	<b>15</b>	<b>-</b>		<b>577</b>
	Lương hợp đồng 111; không đóng bảo hiểm	72				72
	Lương hợp đồng 11; có đóng bảo hiểm	303				303
	Bảo hiểm Hợp đồng 111 (21,5%)	65				65
	Định mức LĐ HĐ 5 người x 61 tr x 50%	153	15			137
	<b>Quỹ tiền thưởng LĐHĐ theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP</b>	<b>38</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>38</b>
*	Quỹ tiền thưởng LĐHĐ	38				38
*	<b>Chi nghiệp vụ chuyên môn</b>	<b>9.540</b>	<b>954</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.586</b>
	Dâng hương di tích	120	12			108
	Chế độ thù lao đối với người trông coi di tích cách mạng và Văn Miếu Bắc Ninh	140	14			126
	Lập hồ sơ xếp hạng di tích	150	15			135
	Bổ sung và chỉnh trang các di tích cách mạng, Văn Miếu Bắc Ninh, Trung tâm Bảo tồn tranh dân gian Đông Hồ	50	5			45
	Tiền điện, nước, chăm sóc thảm cỏ các khu di tích cách mạng và Văn Miếu Bắc Ninh	120	12			108
	Tiền điện, nước, chăm sóc thảm cỏ, thuê bảo vệ tại Trung tâm bảo tồn tranh dân gian Đông Hồ	140	14			126
	Chống mối di tích	120	12			108
	Tổ chức các hoạt động quảng bá di sản văn hóa và loại hình nghệ thuật	840	84			756
	Lập hồ sơ đề nghị công nhận Bảo vật quốc gia	120	12			108
	Diệt mối, côn trùng gây hại kho hiện vật và nhà trưng bày Bảo tàng	80	8			72
	Tu sửa bảo quản hiện vật Bảo tàng	280	28			252
	Trưng bày hiện vật tại Bảo tàng: trưng bày chuyên đề (Mừng xuân- chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc...; Bâu cử đại biểu QH...; Địa danh hành chính tỉnh Bắc Ninh qua các thời kỳ; bản sắc văn hóa các dân tộc tỉnh Bắc Ninh)	700	70			630
	Hoạt động giáo dục - trải nghiệm di sản tại Bảo tàng (vào dịp Tết nguyên đán và dịp nghỉ lễ 30/4)	250	25			225
	Chương trình giáo dục lịch sử tại các trường học	200	20			180
	Phục dựng hoàn thiện bảo vật quốc gia bộ mộc bản Hải thượng y tông tâm lĩnh phục vụ công tác trưng bày, quảng bá giá trị di sản.	1000	100			900
	Duy trì hoạt động trang Website Bảo tàng	70	7			63

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	Hội thảo khoa học: Truyền thống hiếu học của dòng họ Vũ thôn Ngọc Quan, xã Lâm Thao, Lương Tài và danh sĩ Vũ Trinh	120	12			108
	Hội thảo khoa học “Hệ thống di tích thuộc phòng tuyến sông Như Nguyệt năm 1077 - Bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử văn hóa gắn với phát triển du lịch tỉnh Bắc Ninh”	500	50			450
	Xây dựng Hồ sơ khoa học xếp hạng di tích Quốc gia đặc biệt: Những địa điểm ở phòng tuyến sông Như Nguyệt trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống năm 1077	550	55			495
	Quảng bá tranh dân gian Đông Hồ tại Làng Văn hóa các dân tộc Việt Nam	100	10			90
	Trung bày tranh dân gian Đông Hồ trong và ngoài tỉnh	300	30			270
	Trình diễn, quảng bá một số di sản văn hóa tiêu biểu tỉnh Bắc Ninh tại Tuần văn hóa du lịch (fesivan) Bắc Ninh năm 2026	150	15			135
	Bổ sung thiết bị cho kho hiện vật quý hiếm thiết lập môi trường tiêu chuẩn bảo quản phòng ngừa	300	30			270
	Khảo sát, đào thăm dò khu vực phát hiện thuyền cổ và Nghiên cứu, khảo sát địa chất sông Dâu	1000	100			900
	Tổ chức Hội thảo quốc tế: Di tích thuyền cổ phát hiện tại khu phố sông Hà; phường Song Liễu tỉnh Bắc Ninh	500	50			450
	Chi phí làm mô phỏng hình tượng người chiến sĩ cách mạng tiêu biểu tỉnh BN bị địch bắt tù đầy.	520	52			468
	Trung bày Cổ vật tiêu biểu tỉnh Bắc Ninh; Triển lãm Tranh dân gian Đông Hồ; biểu diễn Múa rối nước làng Đồng Ngự; các hoạt động trải nghiệm "Du xuân miền Quan họ ,... Kinh phí Tổ chức Lễ đón nhận Bằng của UNESCO công nhận Quần thể Di tích và Danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc là Di sản văn hóa thế giới; ghi danh Nghề làm tranh dân gian Đông Hồ vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp và Festival "Về miền di sản - 2026	1120	112			1008
*	<b>Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ</b>	<b>3.271</b>	<b>327</b>	-		<b>2.944</b>
	Hệ thống âm thanh tại Trung tâm Bảo tồn tranh dân gian Đông Hồ	1500	150			1350
	Bảo dưỡng, thay thế thiết bị hệ thống PCCC	97	10			87,3
	Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy di tích	24	2			21,6
	Sưu tầm, bổ sung hiện vật Bảo tàng	1000	100			900
	Bổ sung nội thất, đồ thờ di tích Văn miếu Bắc Ninh	500	50			450
	Thay mới hệ thống điều hòa phòng trưng bày	150	15			135
*	<b>Tình giảm biên chế</b>	-	-			-
<b>6</b>	<b>Thư viện Bắc Ninh 1</b>	<b>8.833</b>	<b>548</b>	-		<b>8.285</b>
<b>a</b>	<b>Tổng số thu</b>	<b>18</b>	-	-		<b>18</b>
*	<b>Thu Phí, lệ phí</b>	<b>18</b>	-	-		<b>18</b>
	Thu thẻ bạn đọc	10				10
	Thu phí trông xe bạn đọc	8				8
*	<b>Tổng số thu nộp ngân sách nhà nước</b>					-
	Chi tiết: - Phí, lệ phí					-
*	<b>Tổng số thu được để lại chi</b>	<b>18</b>	-	-		<b>18</b>
	Thu thẻ bạn đọc	10				10
	Thu phí trông xe bạn đọc	8				8
	Trong đó: bổ sung nguồn làm lương					
<b>b</b>	<b>Phần chi ngân sách nhà nước</b>	<b>8.833</b>	<b>548</b>	-		<b>8.285</b>
<b>b1</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>4.151</b>	<b>122</b>	-		<b>4.029</b>
*	<b>Quỹ tiền lương</b>	<b>2.931</b>	-	-		<b>2.931</b>
	Lương 20 biên chế:	2.207				2.207
	Phụ cấp chức vụ:	58				58

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	Phụ cấp độc hại:	112				112
	Phụ cấp trách nhiệm:	6				6
	<b>Bảo hiểm theo biên chế</b>		-			-
	BHXH: 17%	394				394
	BHYT: 3%	70				70
	BHTN: 1%	23				23
	BHTNLD: 0,5%	12				12
	<b>Tăng lương biên chế</b>		-			-
	Tăng lương trong năm (theo danh sách lập thực tế)	50				50
*	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>1.220</b>	<b>122</b>	-		<b>1.098</b>
	Định mức biên chế 20 x 61trđ	1.220	122			1.098
<b>b2</b>	<b>Chi không thường xuyên</b>	<b>4.682</b>	<b>426</b>	-		<b>4.256</b>
	<b>Tiền thưởng + Lương HĐ</b>	<b>454</b>	<b>3</b>	-		<b>451</b>
	<b>Quỹ tiền thưởng:</b>	<b>221</b>				<b>221</b>
	<b>Chi trả tiền lương 02 lao động hợp đồng thỏa thuận (01 bảo vệ, 01 vệ sinh):</b>	<b>120</b>				<b>120</b>
	<b>Chi 01 lương hợp đồng theo ND 111/2023/ND-CP</b>	<b>77</b>				<b>77</b>
	Lương HĐ	63				63
	BHXH: 17%	11				11
	BHYT: 3%	2				2
	BHTN: 1%	1				1
	BHTNLD: 0,5%	1				1
	<b>Quỹ tiền thưởng:</b>	<b>6</b>				<b>6</b>
	<b>Định mức HĐ 111: 01 x 30,5trđ (Bằng 50 % (61 tr)</b>	<b>31</b>	<b>3</b>			<b>27</b>
*	<b>Nhiệm vụ CM</b>	<b>3.798</b>	<b>380</b>	-	-	<b>3.418</b>
	Bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại	52	5			47
	Điện, nước công cộng	192	19			173
	Bổ sung sách mới cho Kho hạt nhân Thư viện tỉnh	400	40			360
	Bổ sung báo, tạp chí 4 quý, Báo xuân 2026	80	8			72
	Bổ sung tài liệu địa chí	90	9			81
	Dịch tài liệu địa chí tiếng Hán nôm sang tiếng Việt	50	5			45
	Đóng bảo quản báo, tạp chí	40	4			36
	Chống mối, mọt kho sách	100	10			90
	Tổ chức cuộc thi Đại sứ văn hóa đọc	300	30			270
	Tổ chức cuộc thi vẽ tranh theo sách cấp tỉnh	200	20			180
	Tổ chức các hoạt động triển lãm, trưng bày: ngày sách VN 21/4; ngày sách VN và bản quyền thế giới	250	25			225
	Tham gia các hoạt động do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Vụ Thư viện Quốc gia Việt Nam, Hội Liên hiệp Thư viện các tỉnh Miền núi phía Bắc tổ chức trong lĩnh vực Thư viện	250	25			225
	Tuyên truyền, tham gia trưng bày sách, báo phục vụ tết Nguyên Đán, Trưng bày báo xuân và trưng bày ngày lễ lớn; Tuần Văn hóa Du lịch tỉnh (fesivan)	300	30			270
	Tổ chức cuộc thi thiếu nhi tuyên truyền giới thiệu sách tỉnh Bắc Ninh	200	20			180
	Hỗ trợ sách cho thư viện xã, phường	200	20			180
	Sách luân chuyển cho Kho luân chuyển của Thư viện Bắc Ninh số 1	100	10			90
	Sách luân chuyển cho Trại giam theo Chương trình số 3239/CTr-BVHTTDL-BCA	100	10			90
	Thuê xe tham dự ngày Sách và Văn hóa đọc Việt nam 21/4, các Hội thi, Liên hoan do các phường, xã tổ chức; luân chuyển và thu hồi sách thư viện xã, phường; kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ thư	60	6			54

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	viện huyện và cơ sở					
	Tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ thư viện cơ sở	50	5			45
	Nói chuyện chuyên đề 03 cuộc	100	10			90
	Tuyên truyền trên Báo xuân Giáp Thìn; Phối hợp với Báo Nhân dân, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Đài PTTH Bắc Ninh. Làm các phóng sự, tin bài, giới thiệu sách mới, xây dựng chương trình mỗi ngày một cuốn sách, gương người tốt việc tốt về sách và văn hóa đọc... trên Báo Bắc Ninh, Báo Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và Đài PTTH	150	15			135
	Bảo hiểm tài sản PCCC	80	8			72
	Kiểm kê 2 kho sách: Kho hạt nhân tại Thư viện tỉnh, Kho sách Luân chuyển xã, phường	30	3			27
	Tập huấn PCCC, bảo dưỡng thiết bị PCCC	24	2			22
	Mua thiết bị PCCC bình xách tay; bình chữa cháy quả cầu tự động, hộp đựng bình, máy bơm chữa cháy; Hệ thống PCCC tự động	100	10			90
	Trung bày sách báo, tư liệu lịch sử quá trình hình thành và phát triển tỉnh Bắc Ninh. Lễ đón nhận Bằng của UNESCO công nhận Quần thể Di tích và Danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc là Di sản văn hóa thế giới; ghi danh Nghề làm tranh dân gian Đông Hồ vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp và Festival "Về miền di sản - 2026":	300	30			270
*	<b>Sửa chữa</b>	<b>200</b>	<b>20</b>	-		<b>180</b>
	Sửa chữa, hiệu chỉnh lại hệ thống đường điện thấp sáng, camera an ninh, máy móc, thiết bị tin học, đường điện thấp sáng, điều hòa, lắp rèm cửa sổ các kho phục vụ công tác chuyên môn, sửa chữa bể xí, vòi chậu, sửa ống xi phông trong các nhà vệ sinh vì quá cũ, han rỉ, hỏng...	200	20			180
*	<b>Mua sắm</b>	<b>230</b>	<b>23</b>	-		<b>207</b>
	Điều hòa phục vụ kho thiếu nhi, kho đọc tổng hợp, kho địa chí	30	3			27
	Màn hình cảm ứng chân quỹ phục vụ bạn đọc khai thác tài liệu điện tử, tài liệu số của thư viện	200	20			180
<b>7</b>	<b>Thư viện Bắc Ninh 2</b>	<b>9.909</b>	<b>626</b>	-		<b>9.283</b>
<b>a</b>	<b>Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>20</b>				<b>20</b>
	Phí thư viện	20				20
	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-				-
	Chi từ nguồn phí được để lại	20				20
<b>b</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>9.909</b>	<b>626</b>	-		<b>9.283</b>
<b>b1</b>	<b>Kinh phí chi thường xuyên</b>	<b>4.731</b>	<b>146</b>	-		<b>4.585</b>
*	<b>Kinh phí chi lương</b>					
	Biên chế Lương 24 biên chế:	2.487				2.487
	Phụ cấp chức vụ:	101				101
	Phụ cấp độc hại:	79				79
	Phụ cấp trách nhiệm:	3				3
	BHXH, YT, ..., 21,5%	557				557
	Tăng lương trong năm	41				41
*	<b>Chi định mức</b>					
	Định mức chi thường xuyên 24 biên chế x 61tr	1.464	146			1.318
<b>b2</b>	<b>Kinh phí chi không thường xuyên</b>	<b>5.178</b>	<b>480</b>	-	-	<b>4.698</b>
*	<b>Quỹ tiền BC thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP:</b>	<b>249</b>				<b>249</b>
*	<b>Tiền thưởng + Lương HĐ</b>	<b>156</b>	<b>3</b>	-	-	<b>153</b>
	HĐ 111 Lương 01 LĐ:	72				72
	HĐ khác Lương 01 LĐ:	54				54
	Định mức chi thường xuyên LĐHĐ 01 x 61tr x 50%	31	3			27

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
*	<b>Quỹ tiền thưởng LĐHĐ theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP: LĐHĐ</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-</b>	<b>6</b>
	Quỹ tiền thưởng LĐHĐ	6				6
*	<b>Chi nghiệp vụ chuyên môn</b>	<b>4.437</b>	<b>444</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.993</b>
-	Phụ cấp hiện vật	48	5			43
-	Trung bày báo xuân	82	8			74
-	Mua báo, tạp chí, tập san	82	8			74
-	Bảo quản sách, phục chế tài liệu, sách rách nát	42	4			38
-	Nói chuyện chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ kỷ niệm và phát triển văn hóa đọc	100	10			90
-	Bổ sung sách nghiệp vụ	500	50			450
-	Bổ sung sách phục vụ công tác luân chuyển	300	30			270
-	Diệt mối tại các kho sách	80	8			72
-	Tổ chức Ngày hội đọc sách và văn hóa đọc tỉnh Bắc Ninh - Hưởng ứng ngày sách Việt Nam, Ngày sách và bản quyền thế giới cấp tỉnh 23/4	800	80			720
-	Bổ sung hồi cố tài liệu địa chí	70	7			63
-	Hồi cố sách theo chuẩn nghiệp vụ quốc tế	60	6			54
-	Tiền điện, nước phục vụ bạn đọc	150	15			135
-	Đóng bìa báo, tạp chí	50	5			45
-	Tổ chức cuộc thi viết "Đại sứ Văn hóa đọc"	350	35			315
-	In thẻ, lý lịch bạn đọc và mua vật tư văn phòng khác phục vụ bạn đọc	20	2			18
-	Bảo dưỡng, bảo trì thang máy vận chuyển sách	40	4			36
-	Bảo dưỡng hệ thống máy vi tính phục vụ bạn đọc	20	2			18
-	Bảo dưỡng hệ thống điều hòa phục vụ bạn đọc	40	4			36
-	Bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng khu vực sảnh phòng đọc, kho sách	15	2			14
-	Bảo trì, Bảo dưỡng hệ thống phòng cháy, chữa cháy	130	13			117
-	Thuê xe luân chuyển sách xuống cơ sở	100	10			90
	Triển lãm, trưng bày tư liệu: Kỷ niệm 115 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (05/6/2021-05/6/2026)	300	30			270
	Tham gia hoạt động nghiệp vụ văn hóa cơ sở gia đình và thư viện năm 2026	36	4			32
-	Tham gia trưng bày sách tại Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam của tỉnh	80	8			72
-	Chi hoạt động của Ban biên tập trang thông tin điện tử của Thư viện tỉnh	50	5			45
-	Tổ chức Cuộc thi "Gia đình đọc sách - Phát triển từ sách gia đình kết nối yêu thương"	392	39			353
	Trưng bày sách, tư liệu - Tinh hoa di sản văn hóa tỉnh Bắc Ninh. Lễ đón nhận Bằng của UNESCO công nhận Quần thể Di tích và Danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc là Di sản văn hóa thế giới; ghi danh Nghề làm tranh dân gian Đông Hồ vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp và Festival "Về miền di sản - 2026":	500	50			450
*	<b>Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ</b>	<b>330</b>	<b>33</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>297</b>
-	Giá sách	130	13			117
	Mua sắm bổ sung tài sản phục vụ bạn đọc (bàn, ghế, thảm,...)	200	20			180
<b>8</b>	<b>Sự nghiệp Văn hóa, thông tin tại Sở</b>	<b>46.136</b>	<b>4.413</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>41.724</b>
<b>8,1</b>	<b>Quản lý Văn hóa và Gia đình</b>	<b>27.035</b>	<b>2.703</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>24.333</b>
<b>a</b>	<b>Lĩnh vực QL VH</b>	<b>24.870</b>	<b>2.487</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>22.384</b>

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	Tổ chức Chương trình nghệ thuật Chào năm mới 2027	5.075	508			4.568
	Kinh phí Tổ chức Lễ đón nhận Bằng của UNESCO công nhận Quần thể Di tích và Danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc là Di sản văn hóa thế giới; ghi danh Nghề làm tranh dân gian Đông Hồ vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp và Festival "Về miền di sản - 2026" theo Kế hoạch	14.275	1.428			12.849
	Điều chỉnh quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh BN, giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2035	1.000	100			900
	Hội nghị triển khai thực hiện Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh về xây dựng và phát triển văn hoá con người Bắc Ninh	400	40			360
	Tổ chức cuộc thi sáng tác biểu trưng Logo tỉnh Bắc Ninh	800	80			720
	Tổ chức tập huấn cho cán bộ văn hóa cơ sở	150	15			135
	Tổ kiểm tra lĩnh vực văn hoá	120	12			108
	Chương trình nghệ thuật đặc biệt kỷ niệm Quốc khánh 2/9	3.000	300			2.700
	Xét danh hiệu nghệ sĩ (nhân dân, ưu tú), nghệ nhân (nhân dân, ưu tú) tỉnh Bắc Ninh	50	5			45
<b>b</b>	<b>Lĩnh vực xây dựng nếp sống gia đình</b>	<b>1.705</b>	<b>170</b>	<b>-</b>		<b>1.535</b>
	Tổ chức các hoạt động ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3	95	9			86
	Tập huấn chuyên môn công tác gia đình cho cán bộ cơ sở; Chủ nhiệm các Câu lạc bộ PCBLGD	220	22			198
	Tổ chức các hoạt động truyền thông; hội nghị tọa đàm, nói chuyện chuyên đề, giao lưu học hỏi kinh nghiệm nhân ngày Quốc tế hạnh phúc, tháng hành động quốc gia về PCBLGD và Ngày GDVN 28/6	90	9			81
	Tuyên truyền Tháng hành động Quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình; Ngày thế giới xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em 25/11; In tài liệu, tờ rơi, sách tuyên truyền về giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình	200	20			180
	"Tọa đàm, hội thảo về bảo đảm quyền bình đẳng cho phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình"	100	10			90
	Tổ chức Ngày hội Gia đình tỉnh Bắc Ninh	1.000	100			900
<b>c</b>	<b>Lĩnh vực phong trào "TĐĐKXDĐSVH" gắn với XD NTM</b>	<b>460</b>	<b>46</b>	<b>-</b>		<b>414</b>
	Tổ chức tổng kết phong trào TĐĐKXDĐSVH&CTGD	250	25			225
	Tổ chức tập huấn cán bộ làm công tác Phong trào cấp xã, thôn	100	10			90
	In tài liệu, tuyên truyền Bộ quy tắc ứng xử văn hóa nơi công cộng và môi trường mạng trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền VH giao thông công cộng,...	110	11			99
<b>8,2</b>	<b>Quản lý Di sản</b>	<b>1.900</b>	<b>190</b>	<b>-</b>		<b>1.710</b>
	Tập huấn quản lý Nhà nước về di sản văn hóa	100	10			90
	Xuất bản sách từ điển tiên sĩ Nho học tỉnh Bắc Ninh	200	20			180
	Xây dựng và triển khai Đề án nghiên cứu tri thức truyền thống về di sản phi vật thể (gắn với di sản văn hoá thế giới Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử-Vĩnh Nghiêm-Côn Sơn, Kiếp Bạc)	800	80			720
	Tổ chức lễ trao tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể lần thứ Tư	800	80			720
<b>8,3</b>	<b>Quản lý Du lịch</b>	<b>5.826</b>	<b>383</b>	<b>-</b>		<b>5.443</b>
	Hỗ trợ các khu, điểm du lịch cộng đồng theo Nghị quyết của HĐND tỉnh	2.000				2.000
	Công tác liên kết phát triển du lịch với các tỉnh, hành phố Hồ Chí Minh; Hà Nội, Hải phòng, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Nghệ An, Thanh hóa, Ninh bình và các tỉnh, thành phố khác	180	18			162
	Tổ chức cuộc thi biểu trưng (logo), khẩu hiệu (slogan) du lịch tỉnh Bắc Ninh	590	59			531

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	Tổ chức các lớp tập huấn: (1) nâng cao nhận thức cho người dân làm DL cộng đồng và cán bộ quản lý du lịch xã, phường của tỉnh ; (2) khóa cập nhật kiến thức dành cho HDVDL năm 2026; (3) Lớp kiểm tra kiến thức HDVDL tại điểm	280	28			252
	In Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	6	1			5
	Tập huấn kỹ năng truyền thông trên nền tảng số phục vụ quảng bá du lịch	40	4			36
	Thay thế, bảo trì, sửa chữa các biển chỉ dẫn, biển quảng bá du lịch	150	15			135
	Sản xuất chương trình truyền hình quảng bá Văn hóa - Du lịch trên sóng truyền hình Trung ương, địa phương	900	90			810
	Tuyên truyền quảng bá du lịch tỉnh Bắc ninh trên các phương tiện của Tổng công ty hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines)	1.000	100			900
	Xây dựng Clip quảng bá chung về Du lịch tỉnh Bắc Ninh	300	30			270
	Xây dựng Tour Du lịch học đường trong tỉnh	300	30			270
	Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động, kinh doanh dịch vụ thuộc lĩnh vực DL; thẩm định điều kiện hoạt động kinh doanh đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú, lữ hành nội địa	80	8			72
<b>8,4</b>	<b>Đề án, Dự án</b>	<b>3.310</b>	<b>331</b>	<b>-</b>		<b>2.979</b>
-	Hỗ trợ thiết bị VHHT	2.000	200			1.800
-	Thành lập mới và hỗ trợ trang phục, đạo cụ, thiết bị âm thanh cho CLB hát quan họ, ca trù, Chèo, tuồng truyền thống, CLB văn hóa văn nghệ...	250	25			225
-	Sản xuất logo và sản phẩm đồ lưu niệm mang đặc trưng văn hóa tỉnh làm quà tặng theo chương trình xúc tiến đầu tư du lịch	600	60			540
	Hỗ trợ hiệp hội Du lịch: "Tổ chức hội nghị kết nối với Hiệp hội DL, doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực DL trong khu vực phía Bắc và cả nước để thúc đẩy xúc tiến, quảng bá DL tỉnh Bắc Ninh năm 2026 theo CV số 2840/UBND -KGVX ngày 25/9/2025)	200	20			180
	Trả nợ Quyết toán công trình hoàn thành Công trình: Cải tạo và mở rộng khu lưu niệm cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ (đã được phê duyệt QT)	260	26			234
<b>8,5</b>	<b>Thông tin báo chí xuất bản</b>	<b>8.065</b>	<b>807</b>	<b>-</b>		<b>7.258</b>
	Tiếp báo chí gặp mặt đầu xuân và ngày 21/6 và các nhiệm vụ tiếp báo chí theo chỉ đạo của tỉnh	350	35			315
	Hợp tác tuyên truyền với các cơ quan báo chí Trung ương	5.000	500			4.500
	Tổ chức ngày sách và văn hóa đọc Việt Nam tỉnh Bắc Ninh	250	25			225
	Xây dựng kịch truyền thanh, tiểu phẩm tương tác tình huống về các vấn đề đạo đức xã hội bức xúc liên quan đến phụ nữ. Về vai trò phụ nữ trong gia đình, xã hội...	45	5			41
	Công tác thông tin Báo chí định kỳ và làm việc với các cơ quan Báo chí Trung ương, địa phương...	300	30			270
	Chi thù lao công tác đọc lưu chiều và mua sắm các trang thiết bị phục cho công tác lưu chiều	70	7			62
	Biên tập Bản tin Báo chí TW viết về Bắc Ninh; Nhuận bút Trang TTĐT; Công TTĐN	500	50			450
	Đào tạo, tập huấn Người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; Bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ cơ sở	250	25			225
	Duy trì và nâng cấp phần mềm Quản lý xuất bản phẩm lưu chiều	100	10			90
	Hoạt động của đội liên ngành chống in lậu của tỉnh: Tổ chức hội nghị, tập huấn; triển khai kiểm tra công tác trong lĩnh vực in, xuất bản của Trung ương và địa phương	100	10			90
	Thuê dịch vụ kỹ thuật khảo sát mạng xã hội	200	20			180
	Chi Quản lý nhà nước về thông tin điện tử và mạng xã hội năm	400	40			360

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	2026: 1. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về thông tin điện tử, mạng xã hội, truyền thông số; 2. Tổ chức kiểm tra, giám sát nội tình đối với hoạt động thông tin điện tử, mạng xã hội; 3. Xây dựng và phát triển nền tảng mạng xã hội; Xây dựng tin, bài, video, infographic, clip... lan tỏa thông tin chính thống, hiệu ứng tích cực trên các nền tảng số					
	Tuyên truyền về cải các hành chính Nhà nước năm 2026	500	50			450
<b>IV</b>	<b>SỰ NGHIỆP THỂ THAO</b>	<b>200.658</b>	<b>8.187</b>	<b>448</b>	<b>-</b>	<b>192.023</b>
<b>1</b>	<b>Sự nghiệp thể thao (CQ Sở)</b>	<b>1.670</b>	<b>140</b>	<b>-</b>		<b>1.530</b>
	Hướng dẫn phương pháp tập luyện và tham gia thi đấu các giải thể thao phong trào toàn quốc	1.100	110			990
	Hỗ trợ Liên đoàn Cầu lông, Liên đoàn Quần vợt, cờ phát triển	270				270
	Tổ chức Lễ kỷ niệm 80 năm Ngày Thể thao Việt Nam	200	20			180
	Tổ chức tập huấn chuyên môn nghiệp vụ TDTT; trao đổi kinh nghiệm các tỉnh về nghiệp vụ TDTT	100	10			90
<b>2</b>	<b>Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao Bắc Ninh số 1</b>	<b>95.989</b>	<b>3.269</b>	<b>448</b>		<b>92.272</b>
<b>a</b>	<b>Phần thu:</b>	<b>1.120</b>		<b>-</b>		<b>1.120</b>
	Tổng số thu:	1.120				1.120
	- Thu khác (cho thuê Sân vận động)	1.120				1.120
	Tổng số thu nộp NSNN	50				50
	- Thu học phí, lệ phí	-				-
	- Thu khác	50				50
	Tổng số thu được để lại chi	1.070				1.070
	- Thu học phí, lệ phí	-				-
	- Thu khác	1.070				1.070
	Trong đó: Nguồn CCTL (tiền lương)	448				448
<b>b</b>	<b>Phần chi NSNN</b>	<b>95.989</b>	<b>3.269</b>	<b>448</b>		<b>92.272</b>
<b>b1</b>	<b>Kinh phí chi thường xuyên</b>	<b>10.041</b>	<b>287</b>	<b>448</b>		<b>9.306</b>
*	<b>Quỹ tiền lương</b>	<b>7.174</b>	<b>-</b>	<b>448</b>		<b>6.726</b>
	Lương cơ bản 46 biên chế	5.650		448		5.202
	Lương vượt khung	20				20
	Phụ cấp chức vụ:	105				105
	Phụ cấp công tác Đảng:	8				8
	Phụ cấp TN:	6				6
	Bảo hiểm theo biên chế	1.242				1.242
	Lương 1 biên chế tuyển mới :	66				66
	Tăng lương thường xuyên trong năm	78				78
*	<b>Định mức chi thường xuyên</b>	<b>2.867</b>	<b>287</b>	<b>-</b>		<b>2.580</b>
	Biên chế 47 x 61 Tr đ	2.867	287			2.580
<b>b2</b>	<b>Kinh phí chi không thường xuyên</b>	<b>85.948</b>	<b>2.982</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>82.966</b>
*	<b>Chi tiền thưởng BC thường xuyên theo ND 73</b>	<b>565</b>				<b>565</b>
*	<b>Hợp đồng trong chỉ tiêu được giao ( 3 HĐ)</b>	<b>374</b>				<b>374</b>
	Lương 03 hợp đồng 111	305				305
	Tăng lương hợp đồng theo nghị định 111	2				2
	Bảo hiểm lương hợp đồng : 21,5%	67				67
*	<b>Định mức LĐ hợp đồng; thưởng LĐ HĐ</b>	<b>92</b>	<b>9</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>82</b>
	Định mức Hợp đồng lao động: 3 x 61 tr x 50 %	92	9			82
	<b>Chi tiền thưởng LĐHĐ theo ND 73</b>	<b>31</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31</b>
	Tiền thưởng LĐHĐ	31				31
*	<b>Nghiệp vụ TDTT</b>	<b>82.644</b>	<b>2.816</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>79.828</b>
	<b>Điện nước phục vụ công cộng (Điện thấp sáng khu nội , nhà thi đấu ( cũ + mới )</b>	1.300	130			1.170
	<b>Tiền thuê HLV thể thao hợp đồng</b>			<b>-</b>		<b>-</b>

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	Tiền thuê HLV thể thao hợp đồng dưới 10 năm	1.867				1.867
	Tiền thuê HLV thể thao hợp đồng trên 10 năm	632				632
	Tiền thuê HLV thể thao hợp đồng từ 20 năm trở lên	309				309
	<b>Hỗ trợ VĐV được triệu tập vào đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ</b>		-			-
	Hỗ trợ VĐV được triệu tập vào đội tuyển quốc gia	720				720
	Hỗ trợ VĐV được triệu tập vào đội tuyển trẻ quốc gia	540				540
	<b>Tiền ăn dinh dưỡng các đội tuyển (Chế độ dinh, chính sách và hỗ trợ đối với HLV, VĐV, HSNK)</b>		-			-
	Tiền ăn ĐT tỉnh	11.826				11.826
	Tiền ăn ĐT trẻ:	8.760				8.760
	Tiền ăn đội tuyển năng khiếu :	6.570				6.570
	Tiền ăn học sinh NK:	3.650				3.650
	Chi trả tiền HLV năng khiếu cơ sở	1.064				1.064
	Chênh lệch tiền ăn tập huấn, thi đấu (CL giữa chế độ tập luyện thường xuyên và chế độ khi tham gia TH, TĐ, Giải trẻ	2.000				2.000
	<b>Tập huấn cọ sát, dã ngoại các bộ môn tập huấn dã ngoại . Đây là nhiệm vụ thực hiện thường xuyên của đơn vị, Năm 2026 đại hội thể dục thể thao toàn quốc nên số giải tăng dẫn đến dự toán tăng</b>	1.400	140			1.260
	<b>Chi hỗ trợ tiền lương đội tuyển tỉnh, trẻ, năng khiếu trong thời gian tập huấn, thi đấu ( Chi tiền lương trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu thực hiện theo nghị định số: 152/NĐ-CP ngày 7/11/2018; Thông tư 18/2019/TT-BLĐTBXH ngày 08/11/2019 thông tư hướng dẫn thực hiện tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu ... đối HLV, VĐV thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu)</b>		-			-
	Tiền lương đội tuyển Tỉnh trong thời gian tập huấn, thi đấu	7.387				7.387
	Tiền lương đội tuyển trẻ trong thời gian tập huấn, thi đấu	2.736				2.736
	Tiền lương đội tuyển NK trong thời gian tập huấn, thi đấu	2.006				2.006
	Thi đấu giải vô địch, giải trẻ (trong nước)	6.500	650			5.850
	Đưa các đoàn thi đấu, tập huấn nước ngoài:	3.000	300			2.700
	Trang thiết bị trong thời gian tập huấn, thi đấu	800	80			720
	Trang thiết bị luyện tập thường xuyên	5.000	500			4.500
	Kinh phí tập huấn ĐT Lào	325				325
	Trang thiết bị phục vụ khu nội trú vận động viên (chiều , chăn màn, tủ đựng đồ , dụng cụ lao động..... , đồ bát đĩa rửa dao thớt....., hút bê phốt khu nội trú VĐV. phục vụ bếp ăn tập thể VĐV	160	16			144
	Xăng xe ô tô đưa đoàn đi thi đấu, tập huấn	80	8			72
	Khảo sát phát triển môn thể thao mới theo đề án phát triển thể thao thành tích cao	120	12			108
	Tuyển chọn VĐV năng khiếu 2 đợt	60	6			54
	Tiền học cờ vua trực tuyến cho 4 VĐV	-	-			-
	Thuê dịch vụ bảo vệ theo tháng (Khu liên hợp thể thao mới )	720				720
	Thuê dịch vụ dọn vệ sinh công nghiệp theo năm (Khu liên hợp thể thao mới ) +NTĐ cũ (Theo QĐ số: 62/QĐ-UBND)	360				360
	Phòng chống môi NTĐ mới	60	6			54
	Đăng cai giải thể thao toàn quốc tổ chức tại Trung tâm - nhiệm vụ mới được Sở VH TTDL giao năm 2026:	3.291	158			3.133
	Giải thể thao tỉnh đăng cai tổ chức - nhiệm vụ mới được Sở VH TTDL giao năm 2026	3.500	350			3.150
	Tổ chức lễ xuất quân của đoàn thể thao Bắc Ninh tham dự thể thao toàn quốc năm 2026.	100	10			90
	Kinh phí Lễ khai mạc Đại hội TDTT cấp tỉnh và Tổng kết đại hội;	5.800	450			5.350

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	tham dự ĐH TDTT toàn quốc,....					
<b>*</b>	<b>Sửa chữa</b>	<b>870</b>	<b>25</b>	<b>-</b>		<b>845</b>
	Sửa chữa xe ô tô chuyên dùng 16 chỗ (phục vụ đưa đón các đoàn VĐV đi thi đấu trong nước)	70	7			63
	SC: hệ thống điện, bóng điện cao áp 400W, 1000 w trong sân NTĐ cũ, sân Quần vợt, khu nội trú VĐV	100	10			90
	SC hệ thống camera, đường điện, điều hòa,.... 40 Phòng ở khu nội trú, bếp ăn VĐV	80	8			72
	Kinh phí bảo trì hàng năm NTĐ mới	620				620
<b>*</b>	<b>Mua sắm TSCĐ</b>	<b>1.374</b>	<b>132</b>	<b>-</b>		<b>1.242</b>
	Áo giáp tập luyện thường xuyên các bộ môn (Wushu, Vovinam)	50	5			45
	Địch tập thường xuyên ( Wushu, Vovinam, Boxing)	80	8			72
	Máy lọc nước phục vụ khu nội trú VĐV + bếp ăn	72	7			65
	Bao đảm võ Boxing, Wushu, vovinam 1	60	6			54
	Con người nôm (Vật, JuJistu, Wushu)	40	4			36
	Trụ dâm hình nhân ( Boxing)	20	2			18
	Trang thiết bị phòng tập thể lực dùng chung cho VĐV các môn tập thường xuyên (theo đề án phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2023-2030)	1.000	100			900
	Bộ bàn cờ vua treo	8				8
	Bộ bàn cờ vây treo	2				2
	Bộ bàn cờ tướng treo	2				2
	Bộ quân bàn cờ vua	12				12
	Bộ quân bàn cờ vây	4				4
	Bộ quân bàn cờ tướng	12				12
	Đồng hồ cờ vua	12				12
<b>3</b>	<b>Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao Bắc Ninh số 2</b>	<b>102.999</b>	<b>4.778</b>	<b>-</b>		<b>98.221</b>
<b>a</b>	<b>Phần thu:</b>					
	Tổng số thu:		-			-
	Tổng số thu nộp NSNN		-			-
	Tổng số thu được để lại chi		-			-
<b>b</b>	<b>Phần chi:</b>	<b>102.999</b>	<b>4.778</b>	<b>-</b>		<b>98.221</b>
<b>b1</b>	<b>Kinh phí chi thường xuyên</b>	<b>11.501</b>	<b>348</b>	<b>-</b>		<b>11.153</b>
<b>-</b>	<b>Lương và các khoản đóng góp theo biên chế</b>	<b>8.020</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>8.020</b>
	Lương cơ bản 59 biên chế	6.320				6.320
	Lương vượt khung	7				7
	Phụ cấp chức vụ:	124				124
	Phụ cấp TN:	3				3
	Bảo hiểm theo biên chế :	1.387				1.387
	Tăng lương trong năm:	82				82
	Bảo hiểm theo tăng lương	18				18
	Chờ biên chế 01 người :	80				80
	<b>Định mức chi thường xuyên</b>	<b>3.481</b>	<b>348</b>			<b>3.133</b>
	Biên chế 60 x 59 Tr đ	3.481	348			3.133
<b>b2</b>	<b>Kinh phí chi không thường xuyên</b>	<b>91.498</b>	<b>4.430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>87.068</b>
<b>*</b>	<b>Chi tiền thưởng BC theo ND 73</b>	<b>632</b>				<b>632</b>
<b>*</b>	<b>Chi Hợp đồng trong chỉ tiêu được giao</b>	<b>1.696</b>	<b>41</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.655</b>
	Lương 14 hợp đồng 111	1.037				1.037
	Bảo hiểm lương hợp đồng	223				223
	Tăng lương trong năm: (bao gồm cả BH)	24				24
	Định mức chi thường xuyên: Hợp đồng lao động: 14 x (59tr x50%)	413	41			372
<b>*</b>	<b>Chi tiền thưởng LDHD theo ND 73</b>	<b>104</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>104</b>

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	Chi tiền thưởng LĐ HĐ	104				104
<b>*</b>	<b>Nghiệp vụ TĐTT</b>	<b>88.186</b>	<b>4.301</b>	<b>-</b>		<b>83.885</b>
	Tiền dinh dưỡng, tiền công, Bảo hiểm VĐV, HLV tập trung	42.893				42.893
	Chi phí phục vụ công tác đào tạo (điện nước, mua sắm trang thiết bị... các điều kiện đảm bảo sinh hoạt và tập luyện cho VĐV)	8.000	800			7.200
	Chi thuê địa điểm tập luyện và ăn ở của VĐV, HLV các môn: cử tạ, silat, điền kinh và đua thuyền tại Hải Phòng	1.093	109			984
	Thuê chuyên gia nước ngoài: 3 môn boxing, cử tạ và vật	4.370	437			3.933
	Kinh phí thưởng và đãi ngộ đối với tập thể HLV, VĐV đạt thành tích xuất sắc tại giải thể thao quốc gia, quốc tế	8.500	850			7.650
	Tập huấn nước ngoài dự kiến (cử tạ, boxing, vật và đua thuyền)	1.500	150			1.350
	Tập huấn trong nước 15 môn Tăng cường cọ sát giao lưu phục vụ đại hội TĐTT 2026	2.329	233			2.096
	Tham gia các giải thể thao trong nước	6.200	620			5.580
	Tham gia thi đấu giải thể thao quốc tế:	2.550	255			2.295
	Tổ chức giải tỉnh	6.500	650			5.850
	Đăng cai tổ chức tổ chức giải thể thao quốc gia, quốc tế:	1.500	150			1.350
	Chi hỗ trợ cho VĐV, HLV đội năng khiếu nghiệp dư (tuyển xã phường)	2.226				2.226
	Chăm sóc y tế thường xuyên cho VĐV, HLV: Duy trì đảm bảo sức khỏe cho VĐV:	60				60
	Mua bảo hiểm cháy nổ khu VĐV	65	7			59
	Đoàn đại biểu tham gia khai mạc ĐHTĐTT toàn quốc	400	40			360
<b>*</b>	<b>Chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ</b>	<b>880</b>	<b>88</b>	<b>-</b>		<b>792</b>
	Sửa chữa bảo dưỡng hệ thống điều hòa và bình nóng lạnh cho khu nội trú VĐV: Đầu việc thường xuyên của đơn vị duy trì đảm bảo ăn ở sinh hoạt cho VĐV	150	15			135
	Sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên trang thiết bị và hệ thống máy tập thể lực cho vận động viên: Đầu việc thường xuyên, duy trì đảm bảo hệ thống máy tập trang thiết bị tập luyện cho VĐV, HLV	75	8			68
	Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị PCCC, Đầu việc thường xuyên đảm bảo an toàn trang thiết bị PCCC	70	7			63
	Thuyền Kayak đơn (K1), trang thiết bị tập luyện cho VĐV môn đua thuyền	120	12			108
	Thuyền Kayak đôi (K2), trang thiết bị tập luyện cho VĐV môn đua thuyền	70	7			63
	Chèo cano, trang thiết bị tập luyện cho VĐV môn đua thuyền	60	6			54
	Chèo Kayak, trang thiết bị tập luyện cho VĐV môn đua thuyền	60	6			54
	Dịch vụ quản lý vận hành đường dây và trạm biến áp	25	3			23
	Chi mua sắm trang thiết bị ăn ở cho vận động viên	250	25			225
<b>V</b>	<b>SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CHUYÊN ĐỔI SỐ</b>	<b>2.010</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.010</b>
<b>1</b>	<b>Sở VH-TTDL (Quản lý Du lịch)</b>	<b>800</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>800</b>
	Thuê tư vấn xây dựng Đề án tổng thể phát triển Du lịch tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030	800				800
<b>2</b>	<b>Bảo tàng Bắc Ninh số 1</b>	<b>120</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>120</b>
	Số hóa 3D di vật và cổ vật trong di tích quốc gia đặc biệt	120				120
<b>3</b>	<b>Thư viện Bắc Ninh 1</b>	<b>1.090</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		<b>1.090</b>
	Số hóa tài liệu địa chí	90				90
	Chuyển đổi số ngành thư viện, ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực thư viện, ứng dụng công nghệ RFID trong phục vụ bạn đọc	1.000				1.000
	<b>Tổng cộng A</b>	<b>438.461</b>	<b>23.980</b>	<b>519</b>		<b>413.962</b>

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
<b>B</b>	<b>KINH PHÍ ĐƠN VỊ TỰ CHỦ 100% CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>4.095</b>	<b>410</b>			<b>3.686</b>
<b>1</b>	<b>BQL khu DTTD&amp;RBVCQ Suối Mơ</b>	<b>4.095</b>				<b>4.095</b>
<b>a</b>	<b>Các khoản thu</b>	<b>4.095</b>				<b>4.095</b>
*	<b>Thu sự nghiệp</b>	<b>4.095</b>				<b>4.095</b>
	Phí tham quan	3.600				3.600
	Phí bến bãi	395				395
	Thu hoạt động dịch vụ	100				100
*	<b>Thu khác</b>	<b>-</b>				<b>-</b>
	NSNN hỗ trợ chi lương	-				-
	Chuyển nguồn vượt thu năm trước sang					-
<b>b</b>	<b>Các khoản chi (=I+II+III)</b>	<b>4.095</b>				<b>4.095</b>
*	<b>Chi trích nộp các khoản</b>	<b>302</b>				<b>302</b>
	Chi bảo hiểm khách du lịch 7%	252				252
	Chi nộp thuế bến bãi 10%	40				40
	Chi nộp thuế dịch vụ 10%	10				10
	<b>Số phí, lệ phí được để lại chi theo quy định</b>	<b>3.794</b>				<b>3.794</b>
*	<b>Các nhiệm vụ chi TX</b>	<b>3.794</b>				<b>3.794</b>
	<b>Tiền lương</b>	<b>812</b>				<b>812</b>
	Tiền lương	812				812
	<b>Phụ cấp</b>	<b>302</b>				<b>302</b>
	Phụ cấp chức vụ	25				25
	Phụ cấp khu vực	20				20
	Phụ cấp trách nhiệm	11				11
	Phụ cấp cấp ủy	25				25
	Dự trừ tăng lương, tiền công	221				221
	<b>Tiền công LĐ HĐ</b>	<b>899</b>				<b>899</b>
	Tiền công LĐHĐ	899				899
	<b>Phúc lợi tập thể</b>	<b>35</b>				<b>35</b>
	Nước uống	5				5
	Chè	30				30
	<b>Các khoản đóng góp</b>	<b>414</b>				<b>414</b>
	BHXH	308				308
	BHYT	53				53
	KPCĐ	35				35
	BHTN	18				18
	<b>Thanh toán dịch vụ công cộng</b>	<b>87</b>				<b>87</b>
	Tiền điện	72				72
	Thanh toán tiền nhiên liệu (dầu xử lý rác)	5				5
	Thanh toán tiền vật tư VSMT	10				10
	<b>Vật tư văn phòng</b>	<b>69</b>				<b>69</b>
	Vật tư văn phòng	15				15
	Công cụ dụng cụ VP	29				29
	Vật tư VP khác	25				25
	<b>Thông tin liên lạc</b>	<b>23</b>				<b>23</b>
	Cước điện thoại	15				15
	Cước Internet	3				3
	Website của cơ quan	5				5
	<b>Công tác phí</b>	<b>93</b>				<b>93</b>
	Tiền tàu xe	2				2
	Tiền thuê phòng ngủ	5				5
	Khoản công tác phí	86				86
	<b>Sửa chữa nhỏ</b>	<b>60</b>				<b>60</b>
	Thiết bị tin học	10				10

STT	Nội dung	Tổng dự toán	Trừ 10% TK chi thường xuyên	Đơn vị dành 40% nguồn CCTL	Giảm chi NS đơn vị SNCL	Dự toán Còn được chi
1	2	3	4	5	6	7=3-(4+5+6)
	Đường điện, cấp thoát nước	20				20
	Tài sản công trình khác	30				30
	<b>Chi nghiệp vụ CM</b>	<b>109</b>				<b>109</b>
	Chi in vé	35				35
	Chi may đồng phục, lễ phục	50				50
	Chi tuyen truyền quảng cáo	20				20
	Chi mua vật tư chuyên môn	30				30
	Phô tô tài liệu	2				2
	Quần áo bảo hộ lao động rọn vệ sinh	6				6
	Sách tài liệu	1				1
	<b>Chi khác</b>	<b>163</b>				<b>163</b>
	Chi tiếp khách	40				40
	Phí ATM	3				3
	Chi học tập kinh nghiệm	70				70
	Chi phục vụ lễ hội suối mỡ	20				20
	Hỗ trợ công tác bảo vệ rừng	10				10
	Chi khác	20				20
	<b>Chi làm thêm giờ</b>	<b>368</b>				<b>368</b>
	Chi làm thêm giờ ngày lễ ngày tết	368				368
	<b>Thê mướn lao động</b>	<b>290</b>				<b>290</b>
	Chi thuê lao động tăng cường dịp cao điểm	90				90
	Thuê lao động vệ sinh cây sanh	200				200
	<b>Mua sắm sửa chữa công trình hạ tầng khác</b>	<b>70</b>				<b>70</b>
	Chi sửa chữa biên bản	45				45
	Chi chỉnh trang thác suối	25				25
<b>c</b>	<b>Chênh lệch thu chi của năm thực hiện</b>	<b>-</b>				<b>-</b>
	<b>Cộng B</b>	<b>4.095</b>		<b>-</b>		<b>4.095</b>
	<b>Cộng A+ B</b>	<b>442.556</b>	<b>23.980</b>	<b>519</b>	<b>-</b>	<b>418.057</b>

-----